BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

GGGI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

2024



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

GGGI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

2024



MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU iii

GÓC NHÌN TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU 2024 1

1. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng 1

2. Một số chỉ tiêu về thị trường trái phiếu 2

PHẦN 1: **BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024** 3

1. Kinh tế thế giới 4

2. Kinh tế Việt Nam 5

PHẦN 2: **BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2024** 9

1. Văn bản pháp lý mới cho thị trường trái phiếu 10

2. Thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương 11

2.1. Trái phiếu Chính phủ 11

2.2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh 16

2.3. Trái phiếu chính quyền địa phương 17

3. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp 17

4. Thị trường trái phiếu xanh 24

PHỤ LỤC 28

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2024, bối cảnh kinh tế quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, trong đó có những vấn đề mới nằm ngoài dự báo, bất ổn chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, xuất hiện nhiều chính sách mới về bảo hộ thương mại đã tác động trực tiếp, đa chiều đến tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

Trong nước, thiên tai diễn ra trên diện rộng với cường độ lớn đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Tuy nhiên, với việc triển khai đồng bộ các giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế đã đạt được kết quả tích cực, nền kinh tế phục hồi rõ nét, các cân đối lớn được đảm bảo. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 của Việt Nam tăng 7,09%, vượt mục tiêu đề ra và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Thành công nêu trên là nhờ sự phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chính sách tài khóa là động lực quan trọng để hỗ trợ và thúc đẩy nền kinh tế vượt qua khó khăn, thách thức và đưa nước ta trở thành điểm sáng trong phát triển kinh tế. Song hành cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường vốn và thị trường trái phiếu năm 2024 có sự tăng trưởng. Với việc Quốc hội thông qua Luật sửa 9 Luật vào ngày 29/11/2024, trong đó có nội dung sửa đổi Luật Chứng khoán, đã tháo gỡ những điểm nghẽn, tăng cường khả năng huy động vốn thông qua thị trường vốn và thị trường trái phiếu. Theo đó, thị trường trái phiếu tiếp tục là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho phát triển nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến cuối năm 2024, quy mô thị trường trái phiếu đạt hơn 3,7 triệu tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2023, tương đương với 32,5% GDP, trong đó quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ đạt 20,5% GDP, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương đạt 1,4% GDP, thị trường trái phiếu doanh nghiệp là 10,6% GDP.

Với mục tiêu cung cấp thông tin đầy đủ và hệ thống về tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu, Bộ Tài chính phối hợp với Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) xây dựng Báo cáo Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2024. Báo cáo lần này là bước tiếp nối các báo cáo từ năm 2018 đã được cộng đồng nhà đầu tư, thành viên thị trường trái phiếu và các tổ chức quốc tế quan tâm.

Bộ Tài chính mong muốn Báo cáo sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân quan tâm, tham gia đầu tư vào thị trường trái phiếu Việt Nam.

THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Đức Chi

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
BTC	Bộ Tài chính
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
Fed	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GGGI	Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
KBNN	Kho bạc Nhà nước
NĐTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHPT	Ngân hàng Phát triển Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NSTW	Ngân sách trung ương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
Sở GDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
SGD NHNN	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước
TCTD	Tổ chức tín dụng
TCTK	Tổng cục Thống kê
TPCP	Trái phiếu Chính phủ
TPCPBL	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
TPCQĐP	Trái phiếu chính quyền địa phương
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Một số dữ liệu kinh tế Việt Nam	6
Bảng 2:	Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính - ngân sách năm 2024	7
Bảng 3:	Tỉ lệ lạm phát danh nghĩa và lạm phát cơ bản	7
Bảng 4:	Tình hình thu - chi NSNN	7
Bảng 5:	Các chỉ tiêu nợ công và nợ nước ngoài quốc gia của Việt Nam	8
Bảng 6:	Giá trị giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp	15
Bảng 7:	Hoạt động đấu thầu của NHPT giai đoạn 2018-2024	16
Bảng 8:	Hoạt động đấu thầu của NHCSXH giai đoạn 2018-2024	16
Bảng 9:	Quy mô niêm yết TPCPBL và TPCQĐP giai đoạn 2018-2024	17
Bảng 10:	Kỳ hạn và lãi suất bình quân của TPDN riêng lẻ năm 2024 theo nhóm phát hành	20
Bảng 11:	Giá trị giao dịch tập trung TPDN trên thị trường thứ cấp	22
Bảng 12:	Khung khổ pháp lý, thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp, cơ sở hạ tầng và nhà đầu tư thị trường công cụ nợ	29
Bảng 13:	Quá trình hình thành và phát triển của thị trường TPDN	32
Bảng 14:	Quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về phát hành TPDN ra công chúng	36
Bảng 15:	Quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về phát hành TPDN riêng lẻ	40
Bảng 16:	Doanh nghiệp phát hành, nhà đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường TPDN riêng lẻ	55
Bảng 17:	Giá trị giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp	59
Bảng 18:	Giá trị giao dịch TPCPBL giai đoạn 2015-2024	60
Bảng 19:	Giá trị giao dịch TPCQĐP giai đoạn 2015-2024	61

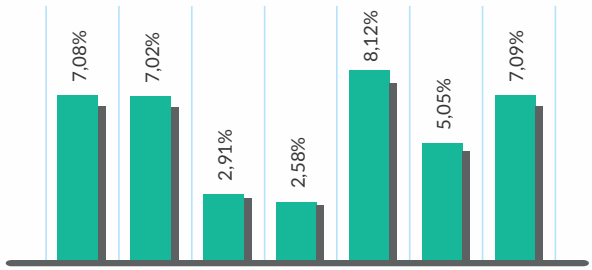
DANH MỤC BIỂU

Biểu 1:	Chỉ tiêu kinh tế của một số nền kinh tế lớn	4
Biểu 2:	Tốc độ tăng trưởng GDP của một số ngành	6
Biểu 3:	Khối lượng phát hành và dư nợ TPCP	12
Biểu 4:	Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu TPCP	12
Biểu 5:	Cơ cấu kỳ hạn phát hành TPCP năm 2024	13
Biểu 6:	Lãi suất TPCP các kỳ hạn	13
Biểu 7:	Dư nợ phân theo kỳ hạn còn lại của danh mục nợ năm 2024	14
Biểu 8:	Quy mô niêm yết TPCP	14
Biểu 9:	Lãi suất giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp	15
Biểu 10	Giá trị phát hành và dư nợ TPDN riêng lẻ so với GDP	19
Biểu 11:	Cơ cấu loại hình doanh nghiệp phát hành TPDN	19
Biểu 12:	Cơ cấu lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp phát hành trái phiếu	20
Biểu 13:	Cơ cấu nhà đầu tư TPDN riêng lẻ sơ cấp	21
Biểu 14:	Cơ cấu TPDN có bảo đảm	21
Biểu 15:	Tỷ trọng phát hành TPCP 2015-2024	58
Biểu 16:	Khối lượng phát hành và dư nợ TPCP	59
Biểu 17:	Khối lượng phát hành và dư nợ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh giai đoạn 2015-2024	59
Biểu 18:	Khối lượng phát hành và dư nợ TPCQĐP giai đoạn 2015-2024	60
Biểu 19:	Khối lượng TPDN phát hành và dư nợ giai đoạn 2015-2024	61

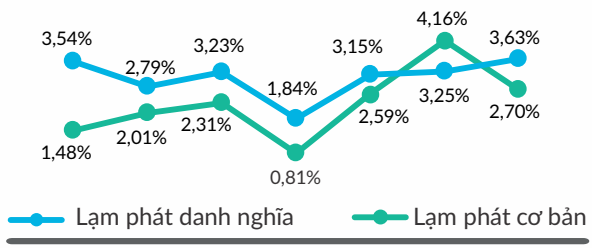
GÓC NHÌN TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU 2024

1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ QUAN TRỌNG NĂM 2024[1]

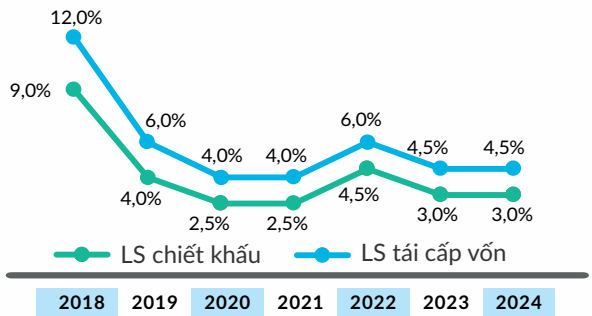
Tăng trưởng GDP thực tế



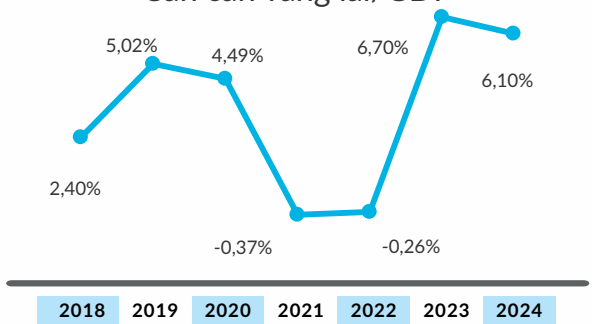
Lạm phát danh nghĩa và cơ bản



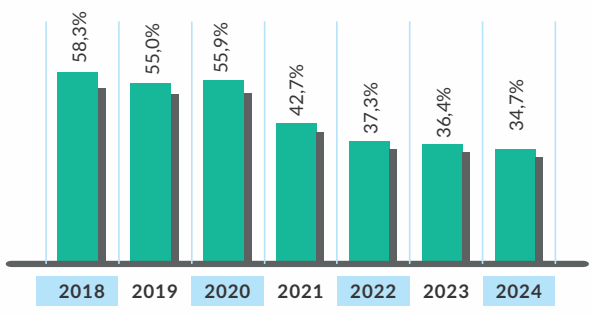
Lãi suất chiết khấu và tái cấp vốn



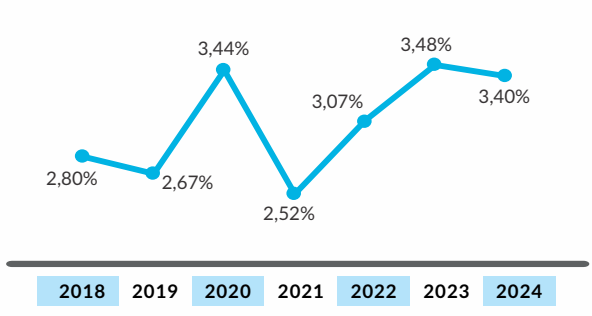
Cán cân vãng lai/GDP



Nợ công/GDP



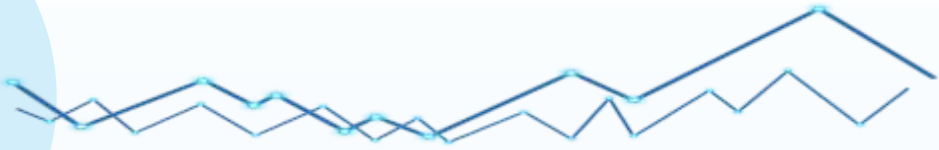
Thâm hụt NSNN/GDP



[1] Kể từ năm 2021 sử dụng GDP đánh giá lại.

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2024 SO VỚI NĂM 2023





1. QUY MÔ TOÀN THỊ TRƯỜNG

3.743.794 tỷ đồng = 32,5% GDP

Quy mô toàn thị trường trái phiếu tăng 7,4% so với năm 2023.



7,4%↑

2024 so với 2023

2. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TPCP

2.361.138 tỷ đồng = 20,5% GDP

Thị trường TPCP tiếp tục tăng trưởng, là kênh huy động vốn chủ yếu của Chính phủ.



7,2%↑

2024 so với 2023

3. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TPCPBL VÀ TPCQĐP

163.452 tỷ đồng = 1,4% GDP

Quy mô thị trường TPCPBL và TPCQĐP giảm 1,5% do 02 NHCS không phát hành TPCPBL trong năm 2024.



1,5%↓

2024 so với 2023

4. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TPDN

1.219.204 tỷ đồng = 10,6% GDP

Quy mô thị trường TPDN phát hành ra công chúng tăng 39,1% và phát hành riêng lẻ tăng 7,2% trong năm 2024.



9,1%↑

2024 so với 2023



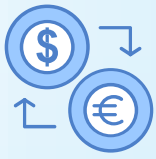
PHẦN 1

BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024

1. KINH TẾ THẾ GIỚI

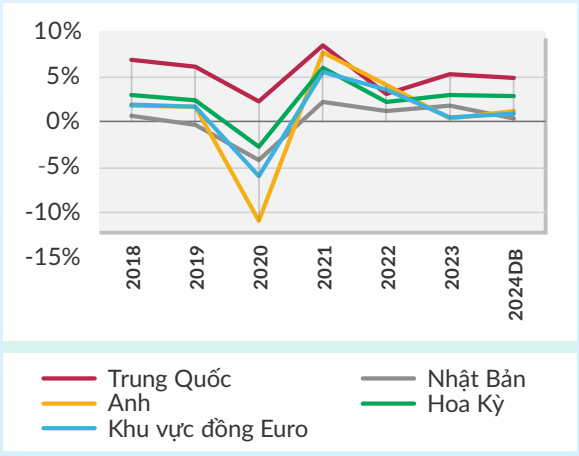
Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố bất định. Xung đột quân sự ở Nga - U-crai-na, Trung Đông, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, một số quốc gia gia tăng chính sách bảo hộ thương mại, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết đã ảnh hưởng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Lạm phát mặc dù hạ nhiệt từ mức 6% năm 2023 xuống còn 2,7% vào năm 2024 và dự báo tiếp tục giảm trong năm 2025, nhưng tiến trình phục hồi kinh tế còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng yếu, đầu tư giảm sút và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lớn như Mỹ, Đức và Nhật Bản đối mặt với chi phí sản xuất tăng cao cùng sự sụt giảm nhu cầu nội địa. Một số nước trong khu vực Đông Nam Á, nền kinh tế có khởi sắc thông qua gia tăng thu hút đầu tư nước ngoài và sự cải thiện cơ sở hạ tầng.

Về tăng trưởng kinh tế, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, thấp hơn so mức tăng 3,3% của năm 2023. Tăng trưởng GDP năm 2024 của Mỹ đạt 2,8% (năm 2023 là 2,9%), khu vực EU đạt 1,2% (năm 2023 là 0,4%), Đức đạt 0,2% (năm 2023 là 0,3%), Trung Quốc đạt 5% (năm 2023 là 5,2%). Các tổ chức quốc tế (UN, IMF, EU, OECD) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2025 bằng hoặc cao hơn năm 2024, dao động từ 2,7% - 3,3%.

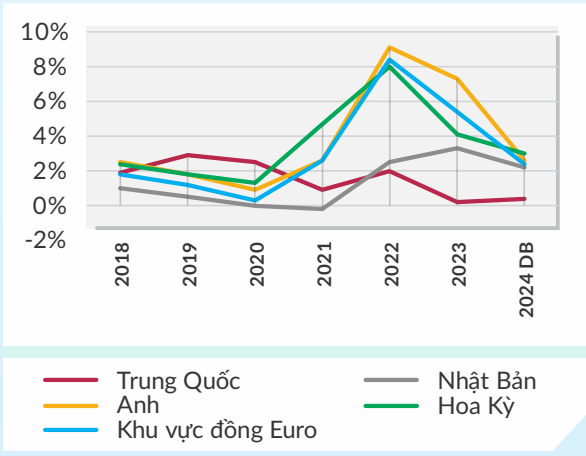


Biểu 1: Chỉ tiêu kinh tế của một số nền kinh tế lớn

Biểu 1a:
Tăng trưởng kinh tế



Biểu 1b:
Tỉ lệ lạm phát



Nguồn: IMF

2. KINH TẾ VIỆT NAM



2.1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý (quý I tăng 5,98%; quý II tăng 7,25%; quý III tăng 7,43%; quý IV tăng 7,55%). GDP năm 2024 của Việt Nam ước tính tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu đề ra và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. GDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, thể hiện qua chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và năng suất lao động.

Lạm phát cơ bản được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 so với năm trước tăng 3,63%, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

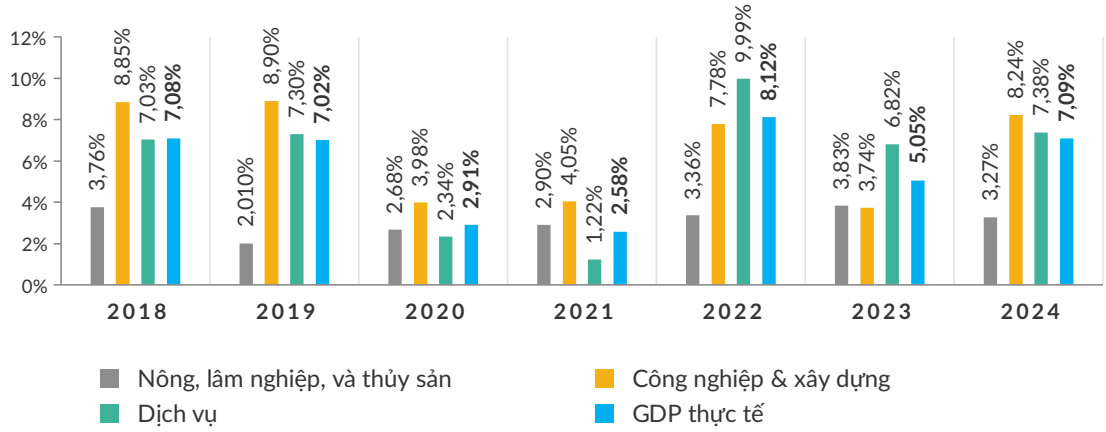
Các hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực, góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%).

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội cả năm 2024 tăng 7,5%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, mức cao nhất kể từ năm 2020. Dòng vốn FDI chất lượng cao, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ xanh, kinh tế số, bán dẫn... góp phần tạo ra một cú hích cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước theo hướng hiện đại và bền vững.

Cả nước có hơn 157,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là hơn 1.547,0 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 1.001,5 nghìn lao động.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa có sự cải thiện đáng kể. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD - tăng 15,4% so với năm trước. Trong đó xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 xuất siêu 24,77 tỷ USD. Đây là năm thứ 9 cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu liên tiếp, nhờ đó góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối của nền kinh tế.

Biểu 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của một số ngành



Nguồn: TCTK

Bảng 1: Một số dữ liệu kinh tế Việt Nam

Chỉ tiêu		2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng	%	7,08	7,02	2,91	2,58	8,12	5,05	7,09
Lạm phát	%	3,54	2,79	3,23	1,84	3,15	3,25	3,63
Bội chi NSNN/GDP	%	2,80	2,67	3,44	2,52	3,07	2,83	3,10
LS chiết khấu	%	9,0	4,0	2,5	2,5	4,5	3,0	3,0
LS tái cấp vốn	%	12,0	6,0	4,0	4,0	6,0	4,5	4,5
Xếp hạng tín nhiệm quốc gia	Moody's	Ba3, Ổn định	Ba3, Tiêu cực	Ba3, Tiêu cực	Ba3, Tích cực	Ba2, Ổn định	Ba2, Ổn định	Ba2, Ổn định
	S&P	BB-, Ổn định	BB, Ổn định	BB, Ổn định	BB, Tích cực	BB+, Ổn định	BB+, Ổn định	BB+, Ổn định
	Fitch	BB, Ổn định	BB, Tích cực	BB, ổn định	BB, Tích cực	BB, Tích cực	BB+, Ổn định	BB+, Ổn định

Nguồn: BTC, NHNN, Moody's, S&P và Fitch

Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm hài hòa giữa điều hành lãi suất và tỷ giá, bình ổn tâm lý thị trường, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của người dân, doanh nghiệp, góp phần ổn định thị trường ngoại tệ phù hợp với diễn biến thị trường. Thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 21,2% so với cuối năm 2023. Thị trường bảo hiểm dần phục hồi và phát triển theo định hướng, mục tiêu đề ra.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính - ngân sách năm 2024

Chỉ tiêu	Kế hoạch Quốc hội giao	Thực hiện
Tốc độ tăng GDP (%)	Khoảng 6-6,5%	7,09%
GDP bình quân đầu người (USD)	4.700-4.730	4.700
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân (%)	4,0-4,5%	3,63%
Bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	3,5%	3,1%
Dư nợ công trên GDP (%)	<60%	34,7%
Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (% tổng thu NSNN)	<25%	19,2%

Nguồn: BTC

2.2. Lạm phát

Bảng 3: Tỉ lệ lạm phát danh nghĩa và lạm phát cơ bản

Đơn vị: %

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Lạm phát danh nghĩa	3,54	2,79	3,23	1,84	3,15	3,25	3,63
Lạm phát cơ bản	1,48	2,01	2,31	0,81	2,59	4,16	2,70

Nguồn: TCTK

Năm 2024, lạm phát cơ bản bình quân cả năm (2,7%) thấp hơn mức lạm phát danh nghĩa (3,63%). Mức lạm phát được kiểm soát ổn định trong năm 2024 và nằm trong mục tiêu Quốc hội đặt ra, góp phần tạo thêm dư địa cho các chính sách phát triển kinh tế trong thời gian tới.

2.3. Ngân sách nhà nước

Bảng 4: Tình hình thu - chi NSNN

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Thu NSNN	1.431,6	1.553,6	1.510,5	1.591,4	1.820,3	1.770,8	2.043,7
Chi NSNN	1.435,4	1.526,8	1.709,5	1.708,1	1.750,8	1.936,9	2.477,4
Bội chi NSNN	153,1	161,4	216,4	214,0	293,3	291,6	359,7

Nguồn: BTC

Trong năm 2024, thu NSNN đạt 2.043,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,1% so với dự toán năm và tăng 15% so với năm trước. Tổng chi NSNN năm 2024 đạt 2.477,4 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% so với dự toán năm (không kể số tăng chi từ nguồn tăng thu NSNN năm 2024, chi NSNN theo dự toán đạt 2.134,7 nghìn tỷ đồng, bằng 98,2% dự toán), tăng 28% so với năm trước.

2.4. Nợ công

Danh mục nợ công, nợ Chính phủ được tiếp tục cơ cấu lại theo hướng tích cực, góp phần đảm bảo an ninh tài chính quốc gia. Tổng nợ công và nợ nước ngoài quốc gia so với GDP của Việt Nam trong năm 2024 tiếp tục giảm. Cụ thể, dư nợ công khoảng 34,7% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 32,2% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 28,8% GDP, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không bao gồm các khoản trả nợ vay về cho vay lại) khoảng 19,2% tổng thu NSNN, thấp hơn mức trần và ngưỡng cảnh báo quy định tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025[2], góp phần củng cố xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Bảng 5: Các chỉ tiêu nợ công và nợ nước ngoài quốc gia của Việt Nam

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nợ công so với GDP	**58,3**	**55,0**	**55,9**	**42,7**	**37,3**	**37,0**	**34,7**
a. Nợ Chính phủ so với GDP	49,9	48,0	49,9	38,7	34,0	34,0	32,2
b. Nợ Chính phủ bảo lãnh so với GDP	7,9	6,7	5,8	3,8	3,1	2,7	2,2
c. Nợ chính quyền địa phương so với GDP[3]	0,9	0,7	0,7	0,6	0,6	0,6	0,7
2. Nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP	**46,0**	**47,1**	**47,9**	**38,1**	**36,1**	**33,5**	**28,8**

Nguồn: BTC

2.5. Mặt bằng lãi suất và chi phí vốn

Lãi suất huy động liên tục đi xuống từ đầu năm theo định hướng chính sách của NHNN. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước gặp nhiều khó khăn, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trong năm 2024 dao động từ 4-5%/năm.

Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7-9,0%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,8%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm).

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất kỳ hạn qua đêm tăng từ 1,25% đầu năm 2024 lên 3,97% vào thời điểm cuối năm 2024.

---

[2] Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội quy định trần dư nợ tương ứng là 60% GDP, 50% GDP, 50% GDP; ngưỡng cảnh báo tương ứng là 55% GDP, 45% GDP, 45% GDP; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 25% tổng thu NSNN.

[3] Bao gồm nợ chính quyền địa phương vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ (được loại ra khi tổng hợp nợ công để tránh tính trùng).



PHẦN 2

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2024

1. VĂN BẢN PHÁP LÝ MỚI CHO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2024



Trong năm 2024, khung pháp lý cho hoạt động của thị trường trái phiếu tiếp tục được hoàn thiện, cụ thể:

1. Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Luật, bao gồm sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các quy định trong Luật số 56/2024/QH15 hướng đến mục tiêu nâng cao tính minh bạch trong phát hành, chào bán chứng khoán, xử lý nghiêm các hành vi gian lận, lừa đảo, và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động chào bán và phát hành chứng khoán, bao gồm TPDN ra công chúng và TPDN riêng lẻ.

Nhằm đồng bộ các quy định tại Luật số 56/2024/QH15, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho thị trường trái phiếu, Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng các Nghị định và Thông tư hướng dẫn, lấy ý kiến các Bộ, ngành, thành viên thị trường, các đối tượng chịu tác động của chính sách để ban hành theo quy định.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã ban hành 02 Thông tư để phù hợp với thực tiễn triển khai của thị trường và chủ trương của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Thông tư 76/2024/TT-BTC đã cập nhật và phân loại rõ ràng các hình thức công bố thông tin, quy định chi tiết về việc báo cáo của các tổ chức tư vấn, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu, và đại diện người sở hữu trái phiếu. Sự điều chỉnh nêu trên là cần thiết nhằm đảm bảo doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện công bố thông tin đầy đủ, rõ ràng, kịp thời cho nhà đầu tư.

- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15 đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động mua bán TPDN của các tổ chức tín dụng, chi nhánh, ngân hàng nước ngoài (TCTD), thúc đẩy thị trường TPDN phát triển lành mạnh, bền vững.

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành các thông tư liên quan đến hoạt động mua bán TPDN của các TCTD bao gồm:

- Thông tư số 11/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 16/2021/TT-NHNN quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán TPDN.

- Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó có quy định về hoạt động kinh doanh mua bán TPDN.

- Thông tư 38/2024/TT-NHNN ngày 01/07/2024 quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó có quy định về việc tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn chỉ được cung ứng dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng đó.

(Danh mục văn bản pháp lý thị trường trái phiếu chi tiết tại Phụ lục 3).

2. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ, TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Trái phiếu Chính phủ

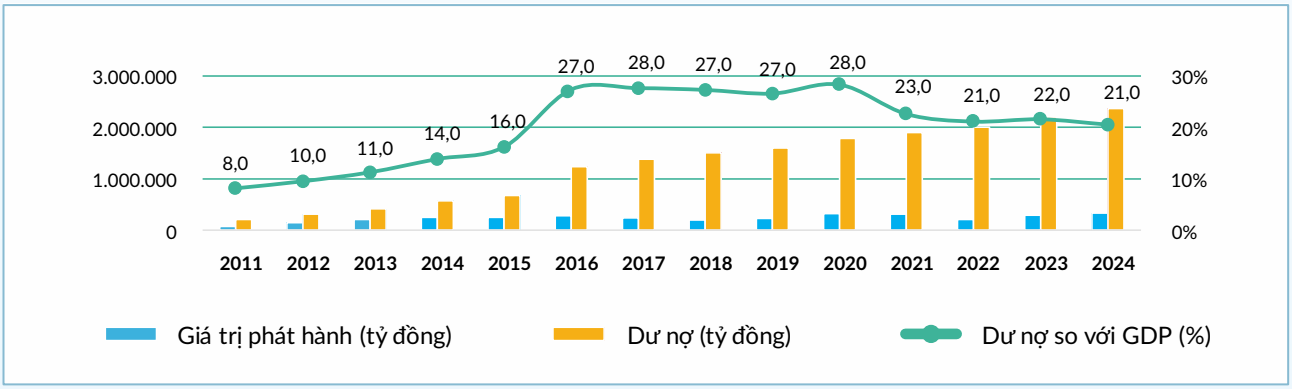
Trong giai đoạn 2021-2024 phát hành TPCP đạt **1,16 triệu tỷ đồng**, đáp ứng 70% nhu cầu vay của NSTW, chiếm 80% tổng huy động vốn trong nước của Chính phủ. Dư nợ TPCP đến cuối tháng 9/2025 đạt **2,53 triệu tỷ đồng**, tương đương **22,0% GDP** năm 2024. Công tác huy động vốn TPCP năm 2024 chịu tác động từ nhiều yếu tố trên thị trường tài chính - tiền tệ toàn cầu như tăng trưởng toàn cầu giảm, ngân hàng trung ương các nước chủ yếu duy trì mặt bằng lãi suất cao để kiềm chế lạm phát, gây áp lực điều hành lên lãi suất, tỷ giá của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, hoạt động huy động vốn qua thị trường TPCP vẫn giữ được sự ổn định, là kênh huy động vốn hiệu quả cho ngân sách trung ương (NSTW). Lãi suất TPCP có xu hướng giảm trong năm 2024 theo xu hướng chung của thị trường. Hoạt động phát hành và giao dịch diễn ra khá sôi động trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp.

2.1.1. Thị trường sơ cấp

Về khối lượng phát hành, KBNN phát hành 330.376 tỷ đồng TPCP, tăng 39% so với năm 2023 và tương đương 83% kế hoạch huy động (400.000 tỷ đồng). Tổng giá trị phát hành TPCP năm 2024 tăng 10,7% so với năm 2020.

Hoạt động phát hành được KBNN tổ chức đều đặn với 51 đợt đấu thầu TPCP, tỷ lệ khối lượng trúng thầu/gọi thầu đạt khoảng 59%, giảm so với mức 82% của năm 2023.

Biểu 3: Khối lượng phát hành và dư nợ TPCP

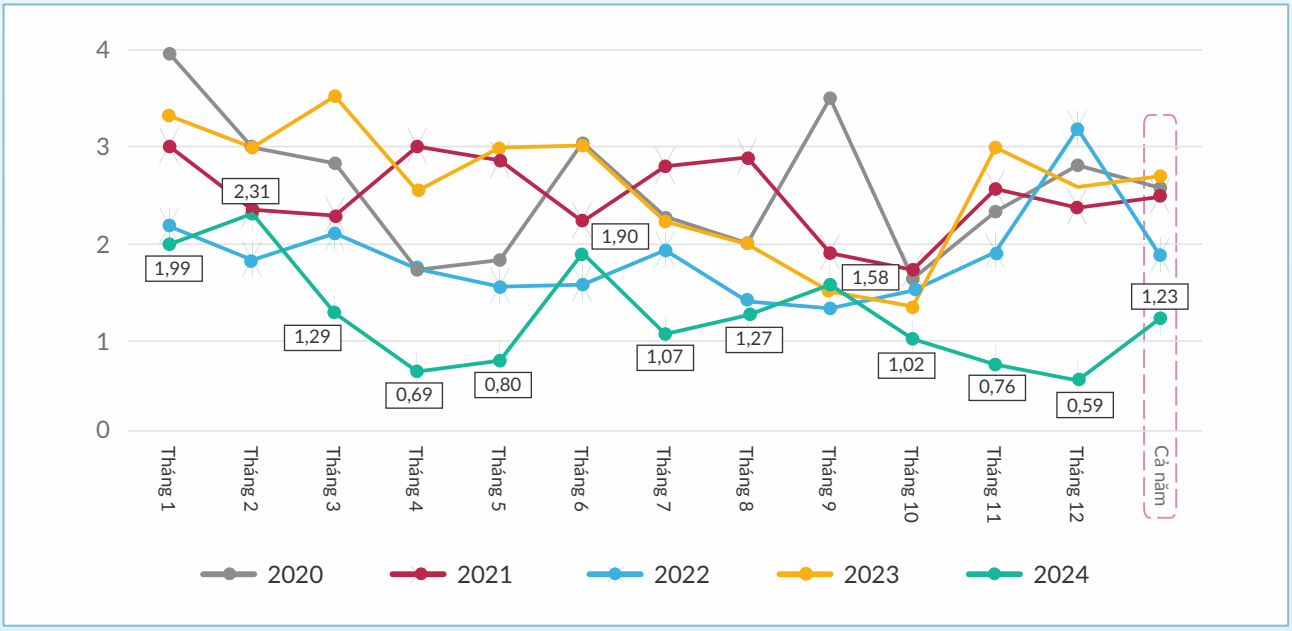


Nguồn: BTC

Về tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu, tính chung cả năm 2024, khối lượng dự thầu của các nhà đầu tư gấp 1,2 lần giá trị khối lượng. Tỷ lệ này của năm 2023 là 2,7 lần và của năm 2022 là hơn 1,8 lần.

Biểu 4: Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu TPCP

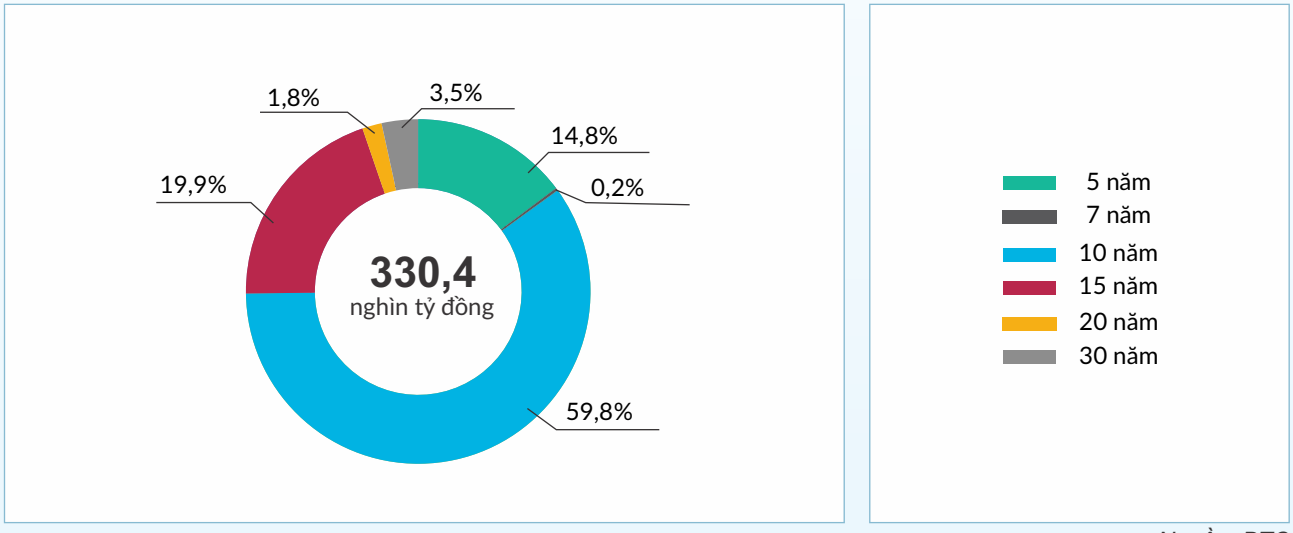
Đơn vị: Lần



Nguồn: BTC

Về kỳ hạn phát hành, kỳ hạn phát hành vẫn tập trung chủ yếu ở dải kỳ hạn 10 và 15 năm, chiếm khoảng 80% tổng khối lượng trúng thầu. Trong đó kỳ hạn từ 10 năm trở lên chiếm 85% tổng khối lượng trái phiếu phát hành; kỳ hạn từ 20 năm trở lên chiếm 5,3% khối lượng trái phiếu phát hành. Kỳ hạn phát hành bình quân TPCP năm 2024 đạt 11,12 năm (giảm 1,5 năm so với năm 2023), tiếp tục giúp kéo dài thời gian đáo hạn bình quân danh mục TPCP lên mức 9,02 năm vào thời điểm cuối năm 2024.

Biểu 5: Cơ cấu kỳ hạn phát hành TPCP năm 2024

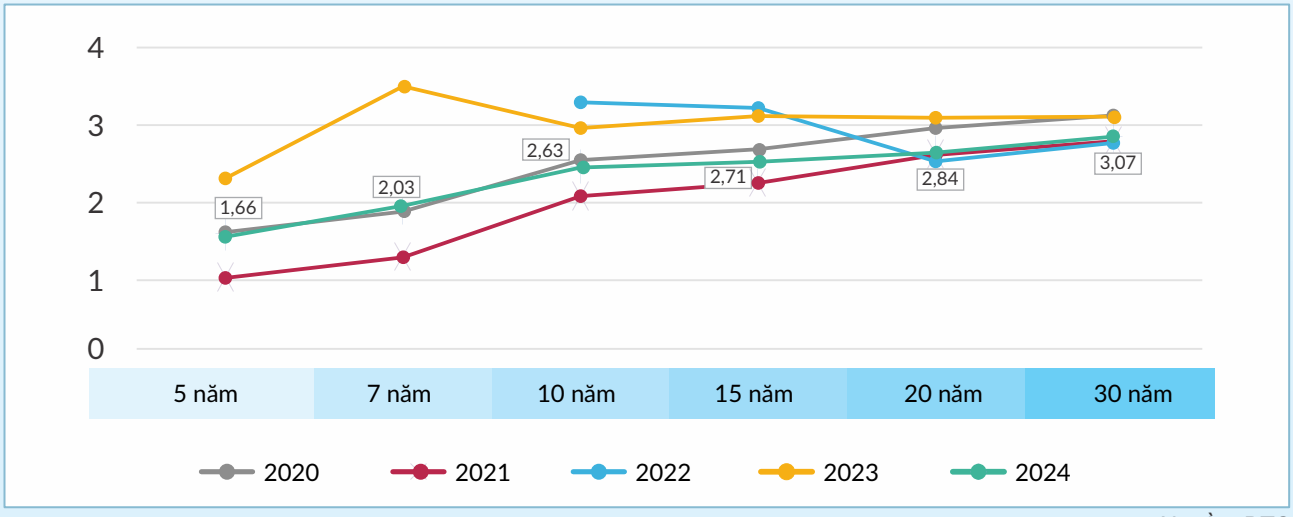


Nguồn: BTC

Về lãi suất phát hành, năm 2024, lãi suất trúng thầu bình quân của tất cả các kỳ hạn giảm so với năm 2023. Lãi suất phát hành TPCP bình quân năm là 2,52%/năm, giảm 0,69% so với lãi suất phát hành bình quân năm 2023.

Biểu 6: Lãi suất TPCP các kỳ hạn

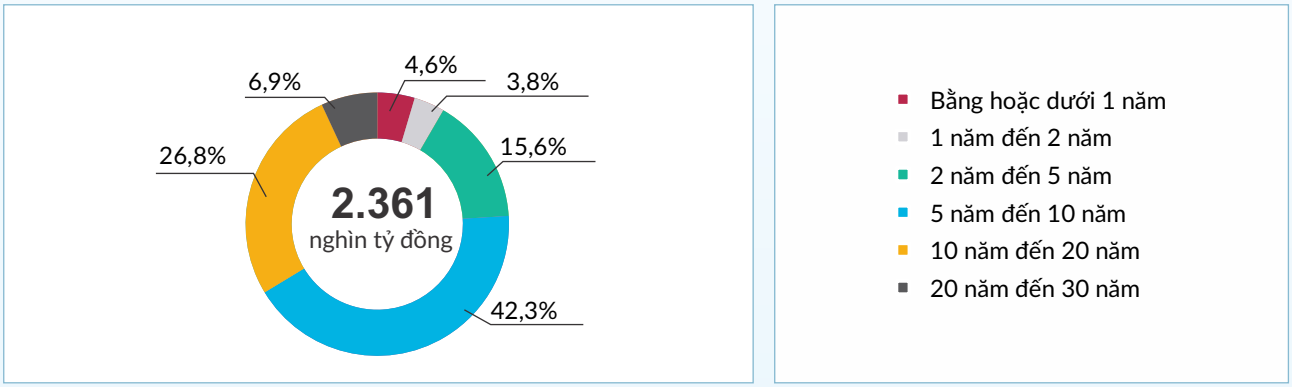
Đơn vị: %/năm



Nguồn: BTC

Về quy mô thị trường: Đến cuối năm 2024, quy mô thị trường TPCP đạt 20,5% GDP. Đa phần TPCP lưu hành vào cuối năm 2024 có kỳ hạn còn lại từ 1 năm trở lên, chiếm khoảng 95% tổng giá trị danh mục trái phiếu. Cơ cấu kỳ hạn trái phiếu đang lưu hành có sự dịch chuyển rõ rệt trong 5 năm vừa qua theo hướng giảm tỷ trọng các trái phiếu có kỳ hạn dưới 5 năm và tăng tỷ trọng các trái phiếu kỳ hạn dài trên 5 năm và trên 10 năm do KBNN đẩy mạnh phát hành các trái phiếu dài hạn. Cụ thể, từ 2017 đến nay, KBNN chỉ phát hành các trái phiếu từ 5 năm trở lên, trong đó chủ yếu là kỳ hạn 10 và 15 năm. Trong khi ở giai đoạn 2016 trở về trước, KBNN huy động cả trái phiếu kỳ hạn 2-3 năm.

Biểu 7: Dư nợ phân theo kỳ hạn còn lại của danh mục nợ năm 2024



Nguồn: BTC

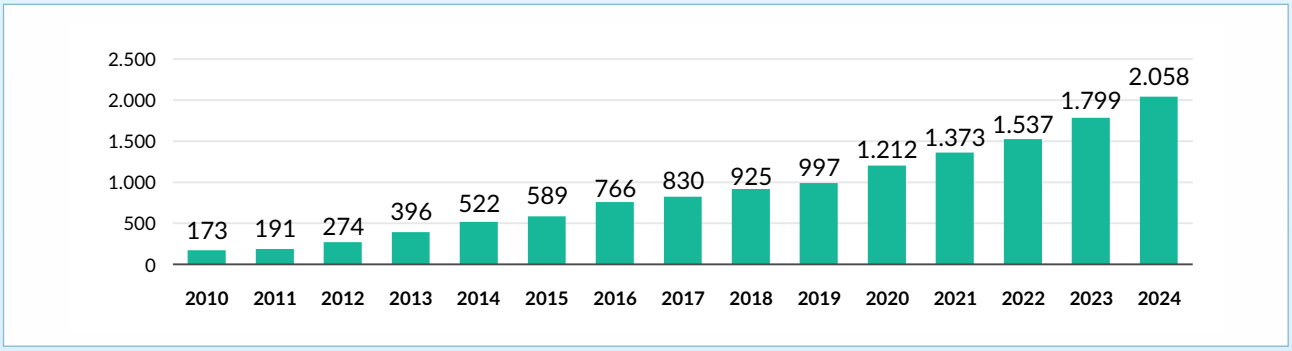
2.1.2. Thị trường thứ cấp

Về quy mô niêm yết, tại thời điểm cuối năm 2024, tổng giá trị TPCP được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đạt 2.058 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2023, tương đương 18% GDP.

Trong các năm qua, số mã TPCP niêm yết giảm nhưng giá trị niêm yết bình quân một mã trái phiếu tăng. Giá trị trung bình của một mã TPCP niêm yết tăng từ khoảng 652 tỷ đồng vào năm 2010 lên xấp xỉ 8.456 tỷ đồng vào cuối năm 2022 và 10.241 tỷ đồng vào cuối năm 2024. Lý do là KBNN chủ động triển khai phát hành TPCP theo lô lớn nhằm tạo điều kiện cho nhiều nhà đầu tư cùng nắm giữ một mã trái phiếu, giúp cải thiện thanh khoản của thị trường. Trong năm 2024, KBNN gọi thầu 51 đợt nhưng chỉ phát hành 22 mã TPCP do đa số các đợt là phát hành bổ sung, giá trị bình quân đạt hơn 15.017 tỷ đồng/mã.

Biểu 8: Quy mô niêm yết TPCP

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Nguồn: HNX

Về giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp: Tổng giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp TPCP năm 2024 đạt 2.832 nghìn tỷ đồng, bình quân 11,3 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 81% so với năm 2023. Trong đó, giá trị giao dịch mua bán thông thường (outright) tăng 60%, đạt hơn 1.840 nghìn tỷ đồng, giao dịch repo tăng 143% đạt 992 nghìn tỷ đồng.

Bảng 6: Giá trị giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Loại giao dịch	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giao dịch mua bán thông thường	908,7	1.032,4	1.593,7	1.814,8	1.044,6	1.149,5	1.839,6
Giao dịch repo	973,7	899,6	721,4	834,3	743,7	407,4	992,1
Tổng giá trị giao dịch	**1.882,4**	**1.932,0**	**2.315,1**	**2.649,1**	**1.788,3**	**1.556,9**	**2.831,7**
Giá trị giao dịch bình quân phiên	7,5	7,7	9,2	10,6	7,2	6,3	11,3

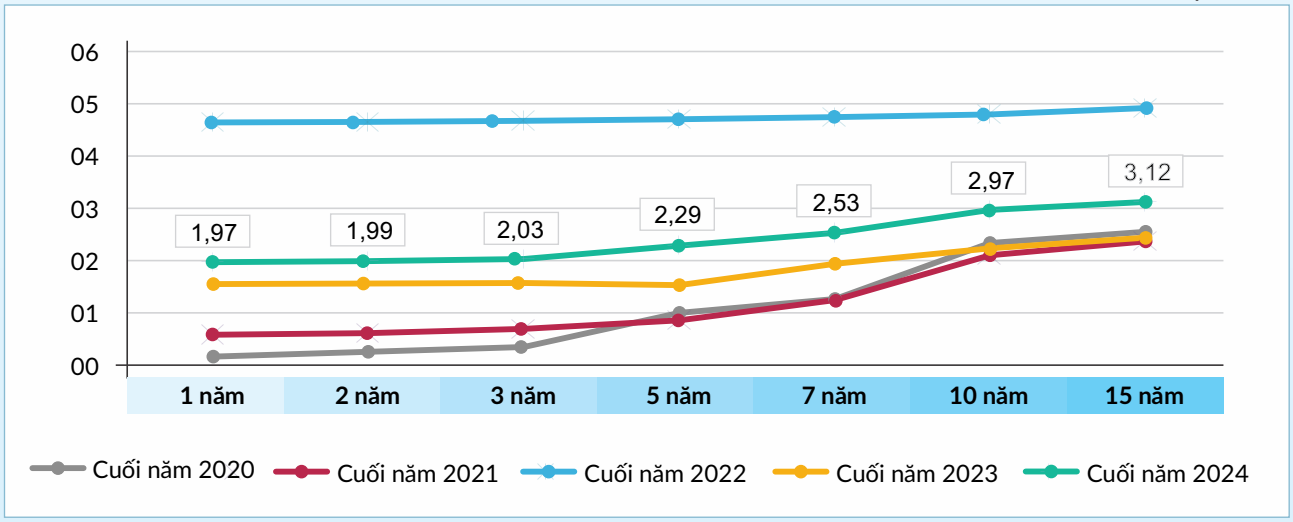
Nguồn: HNX

Về diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp: Lợi suất giao dịch TPCP năm 2024 tăng nhẹ so với năm 2023 trên toàn bộ đường cong lợi suất.

Năm 2024, NHNN đã bán ngoại tệ can thiệp với tổng khối lượng khoảng 9,4 tỷ USD để ổn định tỷ giá USD/VND trên thị trường. Bên cạnh đó, trong năm 2024, để giảm sức ép chênh lệch lãi suất giữa đồng nội tệ và ngoại tệ, NHNN phát hành tín phiếu với lãi suất dao động từ 4 – 4,5%/năm (kỳ hạn từ 7-28 ngày) với khối lượng khoảng 968 nghìn tỷ đồng; qua đó, đẩy mặt bằng lãi suất thị trường lên và duy trì ở mức tương đối cao trong năm. Theo đó, lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng từ 0,26 – 0,75%/năm so với đầu năm ở tất cả các loại kỳ hạn.

Biểu 9: Lãi suất giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp

Đơn vị: %/năm



Nguồn: BTC

Về cơ cấu nhà đầu tư, tính đến cuối năm 2024, nhóm bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi và doanh nghiệp bảo hiểm) nắm giữ đa số với khoảng 59,4%, nhóm ngân hàng sở hữu 39,8% lượng TPCP đang lưu hành, phần còn lại do các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các đối tượng khác nắm giữ. Nhìn chung, khối lượng đầu tư của các nhà đầu tư là Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXH) và các công ty tài chính, bảo hiểm dẫn đầu khi kỳ hạn trái phiếu phát hành ngày càng dài hơn, phù hợp với khẩu vị đầu tư của các công ty bảo hiểm.

2.2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

2.2.1. Thị trường sơ cấp

Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam không phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trong năm 2024.

Bảng 7: Hoạt động đấu thầu của NHPT giai đoạn 2018-2024

Năm	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giá trị gọi thầu	Tỷ đồng	27.654	18.947	33.850	14.000	-	-	-
Giá trị đặt thầu	Tỷ đồng	24.446	46.145	66.646	30.713	-	-	-
Giá trị trúng thầu	Tỷ đồng	16.545	13.797	21.900	10.500	-	-	-
Tỷ lệ trúng thầu	*%*	*59,8*	*72,8*	*64,7*	*75,0*	-	-	-

Nguồn: HNX

Bảng 8: Hoạt động đấu thầu của NHCSXH giai đoạn 2018-2024

Năm	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giá trị gọi thầu	Tỷ đồng	41.430	4.880	4.475	18.124	97.500	38.422	-
Giá trị đặt thầu	Tỷ đồng	34.786	15.674	18.350	52.801	52.766	94.271	-
Giá trị trúng thầu	Tỷ đồng	9.670	3.702	4.375	11.024	17.900	24.351	-
Tỷ lệ trúng thầu	*%*	*33,4*	*75,9*	*97,8*	*61,0*	*18,4*	*63,4*	-

Nguồn: HNX

Về thanh toán gốc, lãi, TPCPBL được thanh toán lãi, gốc đầy đủ, đúng hạn.

Quy mô thị trường TPCPBL đến cuối năm 2024 đạt 153.802 tỷ đồng, tương đương 1,3% GDP, giảm 0,7% so với thời điểm cuối năm 2023.

2.2.2. Thị trường thứ cấp

Về niêm yết, 100% khối lượng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (TPCPBL) sau khi phát hành trên thị trường sơ cấp được niêm yết, giao dịch tại HNX.

Về giao dịch thứ cấp, tương tự TPCP, thanh khoản thị trường TPCPBL cũng tăng lên trong năm 2024 với tổng giá trị giao dịch khoảng 112 nghìn tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2023, trong đó giao dịch mua bán thông thường đạt khoảng 59 nghìn tỷ đồng, tăng 77% so với năm 2023, giao dịch repo đạt 53 nghìn tỷ đồng, tăng 66% so với năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 447 tỷ đồng/phiên, tăng 71% so với năm 2023.

2.3. Trái phiếu chính quyền địa phương

2.3.1. Thị trường sơ cấp

Trong năm 2024, không có địa phương phát hành trái phiếu. Các địa phương thanh toán đầy đủ gốc lãi trái phiếu khi đến hạn.

Quy mô thị trường trái phiếu chính quyền địa phương (TPCQĐP) đến cuối năm 2024 đạt 9.650 tỷ đồng, tương đương 0,1% GDP.

2.3.2. Thị trường thứ cấp

Về niêm yết và giao dịch trên thị trường thứ cấp, thanh khoản TPCQĐP trên thị trường thứ cấp còn hạn chế, năm 2024 tổng giá trị mua bán khoảng hơn 1.542 tỷ đồng, tất cả là giao dịch mua bán thông thường (outright) (năm 2023 không có giao dịch).

Bảng 9: Quy mô niêm yết TPCPBL và TPCQĐP giai đoạn 2018-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng cộng	**Tỷ đồng**	**162.688**	**154.761**	**145.183**	**138.360**	**148.486**	**165.881**	**163.452**
% GDP	*%*	*2,9*	*2,6*	*2,3*	*2,0*	*16,0*	*16,0*	*14,0*
TPCPBL	Tỷ đồng	141.264	138.168	133.441	127.117	137.417	154.962	153.802
% GDP	*%*	*2,6*	*2,3*	*2,1*	*1,5*	*1,4*	*1,5*	*1,3*
TPCQĐP	Tỷ đồng	21.224	16.593	11.743	11.243	11.069	10.919	9.650
% GDP	*%*	*0,4*	*0,3*	*0,2*	*0,1*	*0,1*	*0,1*	*0,0*

Nguồn: HNX

3. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Trong năm 2024, Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng tiếp tục theo dõi sát tình hình thị trường TPDN, chủ động thực hiện các giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở khung pháp lý được đổi mới, hoàn thiện, công tác quản lý giám sát được tăng cường, thị trường TPDN năm 2024 có sự phục hồi và tăng trưởng so với năm 2023 cả về giá trị huy động và số lượng doanh nghiệp phát hành trái phiếu, cho thấy niềm tin của thị trường đã có sự phục hồi.

Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Luật, bao gồm sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó có các quy định mới nhằm: (i) nâng cao chất lượng hàng hóa; (ii) tăng cường trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, công ty kiểm toán; (iii) định hướng nhà đầu tư cá nhân đầu tư vào các sản phẩm trái phiếu an toàn, góp phần phát triển thị trường TPDN an toàn, công khai minh bạch. Đồng thời, Bộ Tài chính đang xây dựng các văn bản quy định chi tiết. Theo đó, khung khổ pháp lý của thị trường được hoàn thiện theo hướng tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư.

3.1. Đối với phát hành TPDN ra công chúng

3.1.1. Thị trường sơ cấp

Năm 2024 có 13 doanh nghiệp phát hành TPDN ra công chúng với giá trị đăng ký phát hành 65,6 nghìn tỷ đồng (gấp 1,37 lần so với năm 2023). Trong đó, giá trị trái phiếu đăng ký phát hành của TCTD chiếm 97,5%, doanh nghiệp bất động sản chiếm 1,5%, doanh nghiệp trong các lĩnh vực còn lại chiếm 1,0 %. Kỳ hạn trái phiếu phát hành giữa các loại hình doanh nghiệp có sự phân hóa rõ rệt, kỳ hạn phát hành của TCTD trung bình từ 6 – 10 năm, của nhóm doanh nghiệp còn lại trung bình từ 2 – 3 năm. Về cơ cấu nhà đầu tư mua TPDN phát hành ra công chúng trên thị trường sơ cấp, nhà đầu tư tổ chức mua 57% giá trị phát hành, nhà đầu tư cá nhân mua 43 % giá trị phát hành.

3.1.2. Thị trường thứ cấp

Năm 2024 có 28 mã trái phiếu của 13 doanh nghiệp được đưa vào giao dịch với giá trị đăng ký hơn 47.227 tỷ đồng. Tính đến hết phiên giao dịch cuối năm 2024, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường là 92.204 tỷ đồng. Tính bình quân, giá trị giao dịch là 543,6 tỷ đồng/phiên. Giao dịch chủ yếu là của nhà đầu tư trong nước, chiếm 90,1%.

3.2. Đối với phát hành TPDN riêng lẻ

3.2.1. Thị trường sơ cấp

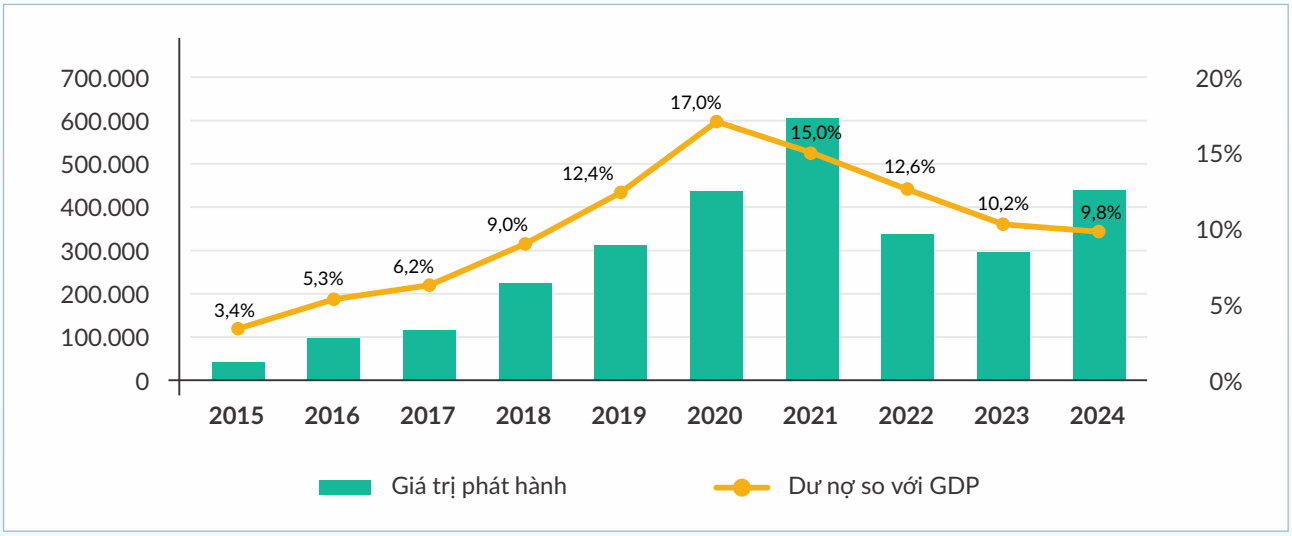
Về hoạt động phát hành, trong năm 2024, giá trị phát hành TPDN riêng lẻ là 437,9 nghìn tỷ đồng (tăng 47,5% so với cả năm 2023).

Thị trường TPDN có sự tăng trưởng so với năm 2023 cả về giá trị phát hành, số lượng doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Thị trường phục hồi đã cải thiện tâm lý nhà đầu tư và là động lực để nhà đầu tư quay trở lại tham gia thị trường.

Tính đến cuối năm 2024, dư nợ TPDN riêng lẻ là 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2023, chiếm 9,8% GDP, tương đương khoảng 7,2% dư nợ tín dụng của nền kinh tế.

Biểu 10: Giá trị phát hành và dư nợ TPDN riêng lẻ so với GDP

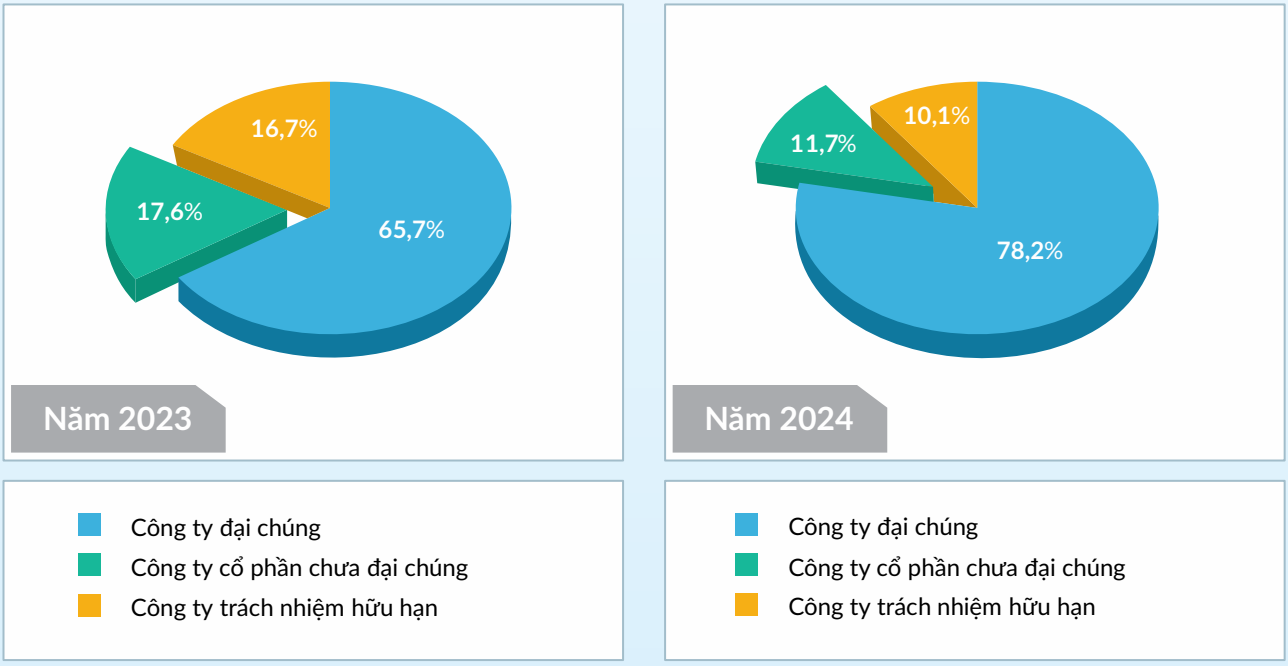
Đơn vị: Tỷ đồng, % GDP



Nguồn: HNX

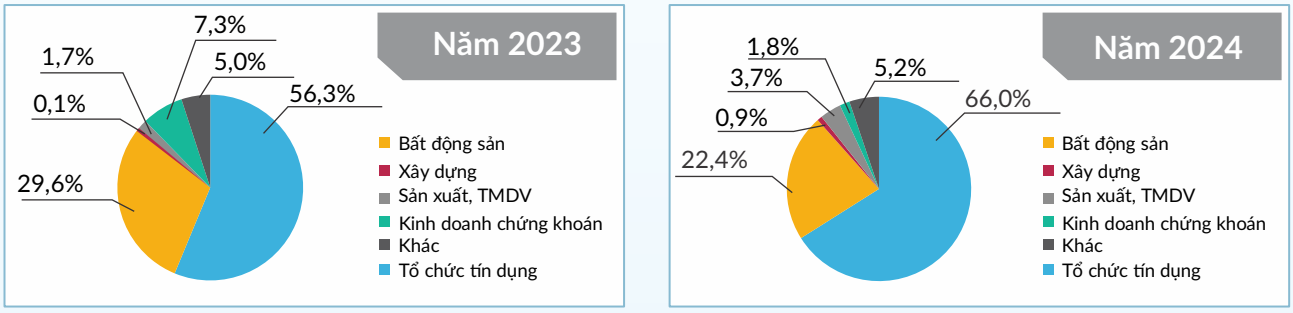
Về loại hình doanh nghiệp, trong năm 2024, công ty cổ phần đại chúng là nhóm doanh nghiệp phát hành lớn nhất trên thị trường (chiếm 78,2% tổng giá trị phát hành toàn thị trường). Hai nhóm còn lại là công ty cổ phần chưa đại chúng và công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm tỷ trọng tương đương nhau, lần lượt có tỷ trọng phát hành TPDN trên tổng giá trị phát hành toàn thị trường là 11,7% và 10,1%.

Biểu 11: Cơ cấu loại hình doanh nghiệp phát hành TPDN



Theo lĩnh vực hoạt động, các TCTD là nhóm phát hành nhiều nhất, chiếm 66,0% tổng giá trị phát hành. Các doanh nghiệp bất động sản là nhóm phát hành lớn tiếp theo với giá trị đạt 22,4% khối lượng phát hành. Các doanh nghiệp lĩnh vực khác có tỷ trọng phát hành là 11,6%. Như vậy, so với năm 2023, cơ cấu loại hình doanh nghiệp phát hành về cơ bản không có nhiều biến động. Các TCTD và doanh nghiệp bất động sản vẫn chiếm phần lớn tổng giá trị phát hành toàn thị trường (tỷ trọng của hai nhóm này trong hai năm 2023 và 2024 đều chiếm trên 85%).

Biểu 12: Cơ cấu lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp phát hành trái phiếu



Nguồn: HNX

Về kỳ hạn phát hành bình quân, trong năm 2024, kỳ hạn phát hành bình quân là 3,96 năm, giảm so với năm 2023 là 4,11 năm. Kỳ hạn phát hành bình quân giữa các nhóm doanh nghiệp phát hành có sự phân hóa: công ty chứng khoán có kỳ hạn phát hành bình quân là 1,36 năm. Doanh nghiệp xây dựng có kỳ hạn phát hành bình quân là 6,45 năm, cao nhất trong các nhóm ngành.

Về lãi suất phát hành TPDN, lãi suất phát hành bình quân toàn thị trường trong năm 2024 là 7,22%/năm, giảm dần qua các năm (năm 2023 là 7,83%/năm, năm 2022 là 7,93%/năm). Trong đó, lãi suất phát hành thấp nhất vẫn là nhóm ngân hàng (5,58%/năm), thấp hơn so với năm 2023 là 6,52%/năm. Nhóm có lãi suất phát hành cao nhất là nhóm sản xuất (11,1%/năm), tăng từ 8,90%/năm trong năm 2023. Nhóm có lãi suất phát hành bình quân năm 2024 giảm mạnh nhất so cùng kỳ năm trước là nhóm kinh doanh chứng khoán (giảm từ 9,75%/năm xuống còn 8,26%/năm).

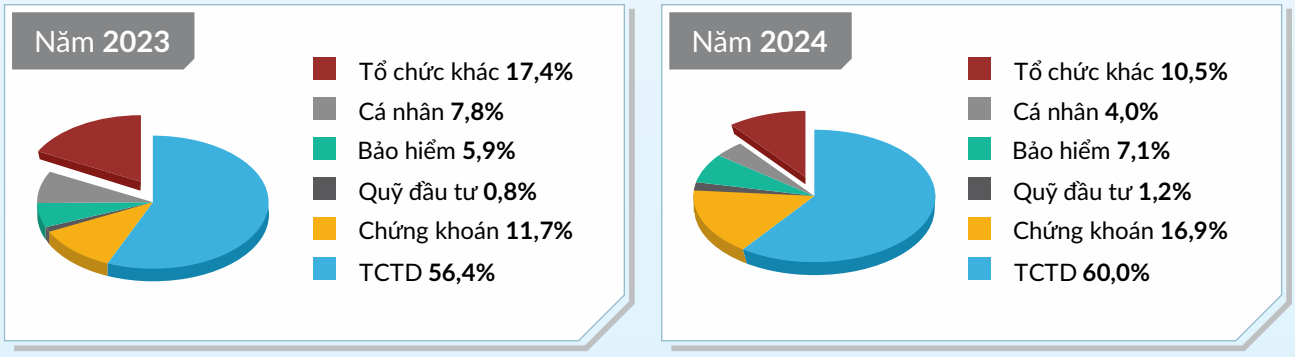
Bảng 10: Kỳ hạn và lãi suất bình quân của TPDN riêng lẻ năm 2024 theo nhóm phát hành

Loại hình kinh doanh	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Lãi suất phát hành bình quân (%/năm)
Tổ chức tín dụng	4,13	5,58
Kinh doanh chứng khoán	1,36	8,26
Bất động sản	3,15	10,50
Xây dựng	6,45	10,96
Sản xuất	4,54	11,10
Thương mại, dịch vụ	3,07	10,62
Năng lượng	-	-
Lĩnh vực khác	5,64	10,24
Bình quân	**3,96**	**7,22**

Về nhà đầu tư, trong năm 2024, nhà đầu tư trong nước tiếp tục là nhà đầu tư chủ chốt mua 99,6% giá trị phát hành toàn thị trường, nhà đầu tư nước ngoài mua 0,4% giá trị phát hành toàn thị trường. Theo đó, năm 2024 nhà đầu tư nước ngoài có sự sụt giảm so với năm 2023 (chiếm tỷ trọng 4,72% giá trị phát hành toàn thị trường).

Đối với nhà đầu tư trong nước, cơ cấu như sau: các TCTD có tỷ trọng mua lớn nhất, chiếm 60,3% giá trị trái phiếu phát hành; tiếp theo là các công ty chứng khoán và tổ chức khác với tỷ trọng mua tương ứng là 17,0% và 10,5%. Các tổ chức bảo hiểm, nhà đầu tư cá nhân và quỹ đầu tư chứng khoán trong nước, có tỷ trọng mua lần lượt là 7,2%, 4,0% và 1,0%. So với năm 2023, tỷ trọng mua của nhóm công ty chứng khoán trên thị trường sơ cấp tăng (từ 12,1% năm 2023 tăng lên 16,9% trong năm 2024); của nhóm nhà đầu tư cá nhân có xu hướng giảm (từ 7,8% năm 2023 xuống 4,0% năm 2024).

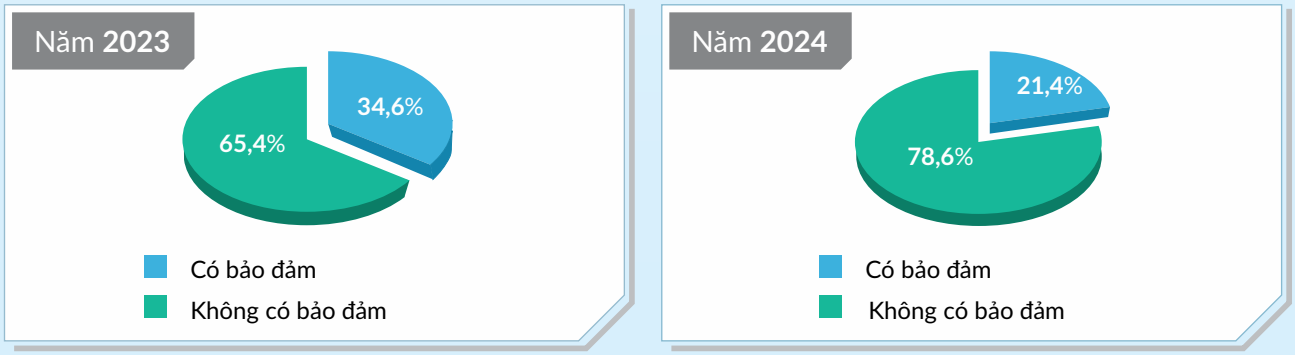
Biểu 13: Cơ cấu nhà đầu tư TPDN riêng lẻ sơ cấp



Nguồn: HNX

Trái phiếu có bảo đảm chiếm 21,4% tổng giá trị TPDN phát hành. Hình thức bảo đảm chính là bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành và bảo lãnh thanh toán. Trong số đó, các doanh nghiệp phát hành thuộc nhóm bất động sản là nhóm phát hành trái phiếu có bảo đảm chiếm tỷ trọng lớn nhất (77,4% trên tổng giá trị trái phiếu phát hành có bảo đảm). Tiếp đến là nhóm sản xuất với tỷ trọng 10,2%. Các nhóm còn lại đều có tỷ trọng dưới 6%, bao gồm các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực khác, thương mại dịch vụ, xây dựng và kinh doanh chứng khoán có tỷ trọng lần lượt là 5,8%, 4,0%, 2,2% và 0,4%.

Biểu 14: Cơ cấu TPDN có bảo đảm



Nguồn: HNX

Về tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu, trong năm 2024, phương án gia hạn thời gian trả nợ giúp giãn áp lực đáo hạn và có thêm thời gian để các tổ chức phát hành hồi phục sản xuất kinh doanh và cân đối phương án xử lý phù hợp.

Về mua lại, hoán đổi, và thực hiện quyền mua TPDN, trong năm 2024, giá trị trái phiếu được mua lại là 218.581,9 tỷ đồng, tương đương 88,1% so với năm 2023. Trong kỳ, giá trị trái phiếu được chuyển đổi là 1.182,7 tỷ đồng (năm 2023 không phát sinh hoạt động hoán đổi, thực hiện quyền trái phiếu).

3.2.2. Thị trường thứ cấp

Về thanh khoản giao dịch thị trường

- Thị trường giao dịch phi tập trung: Trong năm 2024, 549 triệu trái phiếu được chuyển quyền sở hữu, tương đương giá trị 401.899,2 tỷ đồng, bình quân giá trị chuyển nhượng là 1.607,6 tỷ đồng/ngày.

- Thị trường giao dịch tập trung: Tổng khối lượng trái phiếu giao dịch qua hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của HNX đạt gần 2.128,6 triệu trái phiếu với giá trị giao dịch là 1.084.169,3 tỷ đồng. Tính bình quân, giá trị giao dịch là 4.336,7 tỷ đồng/phiên.

Bảng 11: Giá trị giao dịch tập trung TPDN trên thị trường thứ cấp

Chỉ tiêu	2023	2024
Tổng khối lượng giao dịch (triệu trái phiếu)	774,1	2.128,6
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	218.150,5	1.084.169,3
Giá trị giao dịch bình quân phiên (tỷ đồng)	1.880,6	4.336,7

Nguồn: HNX

Về cơ cấu nhà đầu tư

- Về cơ cấu nắm giữ trái phiếu phân theo địa lý: tỷ trọng nhà đầu tư trong nước chiếm 96,6%, nhà đầu tư nước ngoài chiếm 3,4%.

- Về cơ cấu nắm giữ trái phiếu phân theo loại hình tổ chức[4]: tại thời điểm cuối năm 2024, nhóm các TCTD nắm giữ với tỷ trọng 27,8% giá trị trái phiếu phát hành. Nhà đầu tư cá nhân có tỷ trọng nắm giữ là 18,1% (so với mức 28% của năm 2023). Các nhóm còn lại có tỷ trọng dưới 7% là doanh nghiệp bảo hiểm (7,0%), công ty chứng khoán (5,6%) và quỹ đầu tư chứng khoán (1,5%).

3.2.3. Về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu

Thời gian vừa qua, một số doanh nghiệp khó khăn về thanh khoản đã chủ động đàm phán với nhà đầu tư để thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tài sản khác (ví dụ như bất động sản...) hoặc thay đổi điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu (thay đổi về kỳ hạn trái phiếu, về phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu). Thông qua đàm phán với nhà đầu tư, đến nay một số doanh nghiệp chậm thanh toán đã thống nhất với nhà đầu tư về phương án thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

[4] Số liệu được tổng hợp dựa trên các báo cáo định kỳ của các tổ chức đăng ký, lưu ký gửi tới HNX (bao gồm số liệu của VSDC).

Trong năm 2024, có 1.931 mã trái phiếu đã thực hiện thanh toán gốc lãi trái phiếu với giá trị gần 158.574,5 tỷ đồng, trong đó số tiền lãi thanh toán là gần 53.066,9 tỷ đồng, số tiền gốc thanh toán là gần 105.687,6 tỷ đồng.

3.3. Tình hình cung cấp dịch vụ trên thị trường

3.3.1. Tổ chức đăng ký, lưu ký

Theo báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký năm 2024[8], tình hình cung cấp dịch vụ trên thị trường như sau:

Về tình hình đăng ký, lưu ký TPDN trong kỳ báo cáo: có 469 doanh nghiệp thực hiện đăng ký, lưu ký 2.640 mã trái phiếu. Giá trị trái phiếu đăng ký và giá trị trái phiếu lưu ký tại thời điểm cuối kỳ lần lượt là 1.159.090,7 tỷ đồng và 859.655,1 tỷ đồng.

3.3.2. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành

Tổng số lượng hợp đồng đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành đã hoàn thành trong năm 2024 là 109 hợp đồng. Khối lượng trái phiếu đã phát hành trong kỳ theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành là 1.010.663 trái phiếu, tương đương 123.863,3 tỷ đồng, cụ thể:

- Trong năm 2024 không phát sinh hợp đồng đấu thầu đã hoàn thành;

- Số lượng hợp đồng bảo lãnh đã hoàn thành trong năm 2024 là 31 hợp đồng. Khối lượng trái phiếu đã phát hành trong kỳ theo phương thức bảo lãnh phát hành là 642.267 trái phiếu, tương đương 67.826,7 tỷ đồng;

- Số lượng hợp đồng đại lý phát hành (trong đó có một số hợp đồng được ký kết cho trái phiếu phát hành theo hình thức đại lý phát hành và bán trực tiếp cho nhà đầu tư) đã hoàn thành trong năm 2024 là 78 hợp đồng. Khối lượng trái phiếu đã phát hành trong kỳ theo phương thức này là 368.396 trái phiếu, tương đương 56.036,6 tỷ đồng.

3.3.3. Về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

Đến cuối năm 2024, đã có 05 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm (XHTN) tại Việt Nam[9]. Trong năm 2024, các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm đã thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ yêu cầu TPDN chào bán ra công chúng phải thực hiện XHTN từ ngày 01/01/2023 trong một số trường hợp cụ thể. Đối với TPDN chào bán riêng lẻ, từ ngày 01/01/2024 đã thực hiện XHTN như đối với chào bán TPDN ra công chúng. Luật số 56/2024/QH15 đã bổ sung quy định đối với chào bán TPDN riêng lẻ cho cá nhân phải có xếp hạng tín nhiệm và quy định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026[7].

Với quy định về XHTN bắt buộc nêu trên, trong năm 2024, số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ XHTN của các doanh nghiệp tăng so với các năm trước. Các tổ chức XHTN đã ký kết 58 hợp đồng cung cấp dịch vụ XHTN lần đầu (gấp 2 lần so với năm 2023 và gấp 2,9 lần so với năm 2022), chủ yếu là XHTN bắt buộc (chiếm 84% tổng số hợp đồng ký kết).

---

[5] HNX tổng hợp tình hình đăng ký, lưu ký và tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của các tổ chức phát hành tại các tổ chức đăng ký, lưu ký - ngày thống kê 12/04/2025.

[6] Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings; Công ty Cổ phần FiinRatings; Công ty Cổ phần xếp hạng tín nhiệm Đầu tư Việt Nam; Công ty Cổ phần xếp hạng tín nhiệm S&I; Công ty Cổ phần xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh.

[7] Căn cứ quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, theo đó sửa đổi khoản 2 Điều 19 quy định các tổ chức phát hành hoặc TPDN đăng ký chào bán ra công chúng đều phải XHTN ngoại trừ trường hợp trái phiếu phát hành của TCTD hoặc trái phiếu được TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu.

4. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU XANH



Trên thế giới, thị trường trái phiếu xanh đã và đang ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu, tổng giá trị trái phiếu xanh, xã hội và bền vững phát hành năm 2024 ước đạt 1,1 nghìn tỷ USD, tăng 12% so với năm 2023, phản ánh xu hướng gia tăng mạnh mẽ trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, hạ tầng bền vững và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Tại khu vực ASEAN+3, theo báo cáo Asia Bond Monitor – Tháng 3/2025 của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), tổng quy mô thị trường trái phiếu bền vững tính đến cuối năm 2024 đã đạt 917,6 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2023. Trong đó, các nước ASEAN đóng góp đáng kể vào tăng trưởng này, với nhiều đợt phát hành trái phiếu xanh và trái phiếu bền vững mới được triển khai, chủ yếu trong các lĩnh vực như năng lượng sạch, quản lý nước, phát triển đô thị bền vững và công nghiệp ít phát thải. Khu vực ASEAN+3 đang nổi lên như một trong những trung tâm phát hành trái phiếu bền vững năng động nhất thế giới, nhờ sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức tài chính quốc tế, khung pháp lý đang dần hoàn thiện và cam kết ngày càng rõ nét của các chính phủ trong khu vực đối với chuyển dịch xanh và phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, thị trường trái phiếu xanh đang ở giai đoạn đầu hình thành và phát triển. Khung khổ pháp lý về phát hành trái phiếu xanh đã được quy định tương đối đồng bộ từ cấp Luật đến Nghị định và thị trường trái phiếu xanh cũng ghi nhận sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp. Cụ thể:

4.1. Khung khổ pháp lý

Đến nay, khung pháp lý về phát hành trái phiếu xanh đã được ban hành và hoàn thiện đồng bộ từ Luật đến Nghị định và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý cho Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh. Cụ thể:

- ***Đối với pháp luật về phát hành trái phiếu***, tại các Nghị định của Chính phủ đã quy định cụ thể về việc phát hành TPCP, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn cho các dự án xanh bao gồm: (i) Đối với TPCP xanh, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP đã quy định quy trình phát hành; nội dung của Đề án phát hành TPCP xanh và việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch TPCP xanh; (ii) Đối với TPCQĐP xanh, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định nguyên tắc tổ chức phát hành và báo cáo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn phát hành TPCQĐP xanh thực hiện theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iii) Đối với TPDN xanh, Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định nguyên tắc đăng ký, lưu ký, niêm yết, phát hành, giao dịch; sử dụng vốn, hạch toán, quản lý giải ngân cho các dự án của tổ chức phát hành và công bố thông tin phát hành của TPDN xanh.

- Đối với pháp luật bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 150) và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường quy định cụ thể các nội dung liên quan đến phát hành trái phiếu xanh[8] theo đúng thông lệ quốc tế[9]. Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/07/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quy định tiêu chí môi trường theo thông lệ quốc tế[10] và phù hợp với thị trường Việt Nam; và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, tạo cơ sở cho các tổ chức phát hành, nhà đầu tư xác định dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi Nhà nước về phát hành trái phiếu xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính bền vững. Theo đó, các lĩnh vực chính được phân loại xanh gồm năng lượng tái tạo bền vững, giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp, xây dựng đạt mục tiêu công trình xanh, thân thiện với môi trường, tài nguyên nước, nông lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học, công nghiệp chế biến chế tạo sử dụng hiệu quả năng lượng và phát triển công nghệ các-bon thấp, thân thiện môi trường, và các dịch vụ môi trường.

Về các ưu đãi, đối với phí giao dịch đăng ký, lưu ký, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán (Sở GDCK) và VSDC, trong đó có quy định ưu đãi đối với trái phiếu xanh (giảm 50% mức giá dịch vụ đăng ký niêm yết, giá giao dịch, giá đăng ký chứng khoán, hủy đăng ký chứng khoán một phần và giá lưu ký chứng khoán).

Bên cạnh đó, pháp lý về ưu đãi thuế để thúc đẩy sự phát triển của thị trường cũng đang được hoàn thiện. Đối với thuế TNDN, thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành là thu nhập được miễn thuế TNDN (khoản 10 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2025). Đối với thuế TNCN, tại dự thảo Luật Thuế TNCN sửa đổi đề xuất quy định miễn thuế TNCN đối với tiền lãi từ trái phiếu xanh và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành. Dự kiến dự thảo Luật sẽ được trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tháng 5/2026.

4.2. Tình hình triển khai các nhiệm vụ phát triển thị trường

Đối với TPCP xanh: Bộ Tài chính đang phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu xây dựng Đề án phát hành thí điểm trái phiếu Chính phủ xanh tại thị trường trong nước, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm TPCP trên thị trường.

---

[8] Bao gồm: (i) mục đích sử dụng; (ii) nguyên tắc quản lý nguồn tiền thu được; (iii) Chế độ công bố thông tin, báo cáo; (iv) các chính sách ưu đãi đối với chủ thể phát hành và nhà đầu tư trái phiếu xanh.

[9] Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA…

[10] Tiêu chuẩn EU taxonomy, tiêu chuẩn China taxonomy, ASEAN taxonomy…

***Đối với TPCQĐP xanh*:** Năm 2016, thành phố Hồ Chí Minh phát hành 3.000 tỷ đồng TPCQĐP kỳ hạn 15 năm để huy động vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có 11 dự án mang tính chất bảo vệ môi trường; tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm huy động vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có 01 dự án mang tính chất bảo vệ môi trường.

Đối với TPDN xanh, Bộ Tài chính tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp phát hành TPDN xanh để huy động vốn đầu tư cho các dự án có tính chất bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trên thị trường TPDN ngày càng có nhiều doanh nghiệp quan tâm phát hành trái phiếu xanh để huy động vốn; trong đó Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) và Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) đã phát hành thành công TPDN xanh theo tiêu chuẩn của ICMA lần lượt vào năm 2022 và 2023.

Trong năm 2024, thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam cũng chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ với tổng giá trị phát hành đạt hơn 7,3 nghìn tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với năm 2023[11], phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng từ các tổ chức phát hành và nhà đầu tư. Tuy quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp bền vững của Việt Nam còn khiêm tốn so với các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia và Philippines với tỷ lệ ước tính lần lượt vào khoảng 5%, 10% và 20% GDP, nhưng tốc độ tăng trưởng trong năm 2024 cho thấy tiềm năng to lớn của thị trường này.

Trong năm 2024, các ngân hàng thương mại như BIDV, Vietcombank, HDBank, Techcombank cũng tham gia phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững với mục tiêu tài trợ cho các dự án bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Đáng chú ý, thị trường lần đầu tiên ghi nhận sự tham gia của các lô trái phiếu xanh do doanh nghiệp phi tài chính phát hành, như Công ty Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I và Công ty TNHH Nước sạch Hòa Bình – Xuân Mai cũng đã đạt được những thành công đáng kể, lần lượt phát hành 1.000 tỷ đồng và 875 tỷ đồng để đầu tư vào các dự án phát triển bền vững trong nuôi trồng thủy sản và cung cấp nước sạch.

Các giao dịch này đều tuân thủ nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội thị trường vốn Quốc tế (ICMA) và được xác nhận trước và sau phát hành bởi các tổ chức uy tín quốc tế và trong nước, đảm bảo minh bạch. Các lô trái phiếu xanh phát hành bởi các tổ chức phát hành ở Việt Nam đến nay chủ yếu có kỳ hạn trên 5 năm và có thể đạt 20 năm, cao hơn so với trung bình của thị trường năm 2024 đạt gần 4,96 năm. Trong năm 2024, Công ty Nước sạch Hòa Bình – Xuân Mai phát hành trái phiếu xanh, kỳ hạn 20 năm, đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn cho đầu tư hạ tầng; lãi suất phát hành thấp hơn mặt bằng lãi suất chung.

Sự chuyển dịch về cơ cấu phát hành trái phiếu xanh trong thời gian qua từ nhóm tài chính ngân hàng dịch chuyển sang các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác như năng lượng tái tạo, thủy sản bền vững và cơ sở hạ tầng, phản ánh xu hướng "xanh hóa" đang lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Điều này cũng thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam trong việc thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững.

[11] Số liệu tổng hợp từ HNX.

Mặc dù thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam đang ghi nhận những bước tiến tích cực với khung pháp lý dần hoàn thiện và số lượng phát hành gia tăng, nhưng quá trình phát triển vẫn gặp một số trở ngại. Nhiều doanh nghiệp chưa có dự án đủ điều kiện "xanh" theo tiêu chuẩn quốc tế do thiếu quy hoạch dài hạn và chi phí đầu tư ban đầu cao. Đồng thời, năng lực kỹ thuật trong việc xây dựng khung trái phiếu xanh và báo cáo tác động môi trường còn hạn chế. Chi phí phát hành cao cùng với yêu cầu xác minh khắt khe khiến nhiều doanh nghiệp còn ngần ngại, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong bối cảnh đó, sự tham gia của các tổ chức quốc tế đang đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ phát triển thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam. Các tổ chức như ADB, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu (GGGI), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và Ngân hàng Thế giới (WB) đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cũng như hỗ trợ tài chính, từ việc xây dựng khung phát hành trái phiếu xanh phù hợp với thông lệ quốc tế đến hỗ trợ nhà phát hành trong quá trình đánh giá độc lập, lập báo cáo sau phát hành nhằm đảm bảo tính minh bạch và tiêu chuẩn hóa của các đợt phát hành, giúp gia tăng tính khả thi và hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực dành cho doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư cũng góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn của thị trường. Nhờ đó, niềm tin của thị trường vào triển vọng trái phiếu xanh tại Việt Nam đang dần được củng cố, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng quy mô và thu hút dòng vốn quốc tế vào các lĩnh vực bền vững.

PHỤ LỤC 1

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM



Trên thị trường trái phiếu có sự tham gia huy động vốn của 4 chủ thể phát hành chính: (1) Bộ Tài chính ủy quyền cho KBNN phát hành TPCP để bù đắp bội chi NSTW, bù đắp thiếu hụt tạm thời của NSTW, bảo đảm thanh khoản của thị trường TPCP; chi trả nợ gốc các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại nợ của Chính phủ theo Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công...; (2) Các ngân hàng chính sách (NHCSXH, NHPT) phát hành TPCPBL để thực hiện các chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước; (3) Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố phát hành TPCQĐP để huy động vốn cho ngân sách địa phương; (4) Doanh nghiệp phát hành TPDN để huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Nhà đầu tư trên thị trường trái phiếu bao gồm các định chế tài chính trung gian (TCTD, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, các quỹ đầu tư), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước khác.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là các tổ chức cung cấp dịch vụ về đăng ký, lưu ký; niêm yết, giao dịch và bù trừ thanh toán trái phiếu cho các tổ chức phát hành. Trong đó, VSDC và HNX tổ chức, vận hành hệ thống đăng ký, lưu ký; hệ thống đấu thầu, giao dịch TPCP, TPCPBL và TPCQĐP trên thị trường thứ cấp; thực hiện thanh toán lãi/gốc công cụ nợ, thanh toán cho các giao dịch công cụ nợ. TPDN phát hành ra công chúng được đăng ký, lưu ký và bù trừ thanh toán tại VSDC, niêm yết và giao dịch tại HNX; từ tháng 7/2023, các TPDN phát hành riêng lẻ bắt đầu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC và đăng ký giao dịch tập trung tại HNX.

1. Thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

Thị trường TPCP đóng vai trò then chốt để phát triển thị trường trái phiếu. Trong những năm vừa qua thị trường TPCP đã có sự phát triển đồng bộ về khung khổ pháp lý, thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp, cơ sở hạ tầng và cơ sở nhà đầu tư.

Bảng 12:
Khung khổ pháp lý, thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp, cơ sở hạ tầng và nhà đầu tư thị trường công cụ nợ

	TPCP	TPCPBL	TPCQĐP
Các văn bản pháp lý và các Quy chế nghiệp vụ của Sở GDCK, VSDC	- Luật Ngân sách Nhà nước. - Luật Quản lý nợ công. - Luật Chứng khoán. - Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ. - Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương. - Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán. - Nghị định 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán. - Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP tại thị trường trong nước. - Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước. - Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/05/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của chính phủ, TPCPBL do các ngân hàng chính sách phát hành và TPCQĐP. - Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018. - Thông tư số 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN. - Thông tư 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.	

	TPCP	TPCPBL	TPCQĐP
Các văn bản pháp lý và các Quy chế nghiệp vụ của Sở GDCK, VSDC	- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở GDCK Việt Nam và các công ty con, VSDC. - Các Quy trình, Quy chế nghiệp vụ của NHNN, HNX, VSDC, bao gồm: + Quyết định số 1583/QĐ-NHNN ngày 27/07/2017 của Thống đốc NHNN ban hành Quy trình thanh toán tiền giao dịch TPCP, TPCPBL và TPCQĐP tại NHNN. + Quyết định số 770/QĐ-SGDHN ngày 30/12/2020 của HNX về việc ban hành Quy chế Giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL do các NHCS phát hành và TPCQĐP (thay thế Quyết định số 501/QĐ-SGDHN ngày 5/7/2017). + Quyết định số 890/QĐ-SGDHN ngày 30/12/2022 của HNX về việc ban hành Bộ quy trình tham gia đấu thầu công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL do các NHCS phát hành và TPCQĐP tại HNX. + Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 20/6/2022 về việc ban hành Quy trình quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP tại HNX (thay thế Quyết định số 143/QĐ-SGDHN ngày 20/4/2021). + Quyết định số 396/QĐ-SGDHN ngày 20/6/2022 về việc ban hành Quy trình giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP tại HNX (thay thế Quyết định số 144/QĐ-SGDHN ngày 20/4/2021). + Quyết định số 397/QĐ-SGDHN ngày 20/6/2022 về việc ban hành Quy trình quản lý giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN tại HNX. + Quyết định số 572/QĐ-SGDHN ngày 30/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình Quản lý giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN tại HNX ban hành kèm Quyết định số 397/QĐ-SGDHN ngày 20/6/2022. + Quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của VSDC về Quy chế hoạt động thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL do các NHCS phát hành và TPCQĐP (thay thế Quyết định số 06/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam). + Quyết định số 907/QĐ-SGDHN ngày 21/8/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình Quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, do NHCS phát hành và TPCQĐP tại HNX;		

	TPCP	TPCPBL	TPCQĐP
Các văn bản pháp lý và các Quy chế nghiệp vụ của Sở GDCK, VSDC	+ Quyết định số 908/QĐ-SGDHN ngày 21/8/2024 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL do NHCS phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương tại HNX; + Bộ Quy trình giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN tại HNX ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-SGDHN ngày 21/8/2024; + Quyết định số 910/QĐ-SGDHN ngày 21/8/2024 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình quản lý giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN tại HNX.		
Hoạt động giao dịch và thanh toán	Trên thị trường thứ cấp, các công cụ nợ được giao dịch theo 4 loại hình: giao dịch mua bán thông thường (outright); giao dịch mua bán lại; giao dịch bán kết hợp mua lại; giao dịch vay và cho vay, trong đó giao dịch mua bán thông thường và giao dịch mua bán lại là 2 loại hình giao dịch phổ biến nhất. Hình thức thực hiện giao dịch các công cụ nợ là thỏa thuận điện tử và thỏa thuận thông thường. Đối với thỏa thuận thông thường, nhà đầu tư tự thỏa thuận về các điều kiện giao dịch, báo cáo kết quả vào hệ thống giao dịch TPCP tại HNX để xác lập giao dịch. Thời gian giao dịch diễn ra trong 02 phiên: (i) phiên buổi sáng từ 9h00 đến 11h30; (ii) phiên buổi chiều từ 13h00 đến 14h45 các ngày làm việc trong tuần, trừ các dịp nghỉ lễ, Tết theo quy định Nhà nước. Hoạt động thanh toán giao dịch TPCP do VSDC phối hợp với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (SGD NHNN) tổ chức thực hiện theo chu kỳ thanh toán T+1, trong đó tiền giao dịch TPCP trên thị trường được thanh toán theo từng giao dịch qua SGD NHNN, TPCP được chuyển giao giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư trên hệ thống của VSDC trên cơ sở nhận được thông báo hoàn tất thanh toán tiền của SGD NHNN. Thời gian thanh toán giao dịch được thực hiện từ 09h00-15h30. Tiền giao dịch các công cụ nợ trên thị trường thứ cấp được thanh toán theo từng giao dịch qua SGD NHNN vào ngày T+1. Giá trị của một giao dịch trên thị trường thứ cấp thường là 50 tỷ đồng. - Khách hàng không phải là thành viên giao dịch của HNX có thể đặt hàng qua thành viên giao dịch là công ty chứng khoán. (Chi tiết quy trình giao dịch và thanh toán các công cụ nợ trên thị trường thứ cấp tham khảo Phụ lục 5)		

2. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường TPDN bắt đầu hình thành từ năm 2000. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và hoàn thiện về khung khổ pháp lý, từ năm 2011 thị trường TPDN bắt đầu phát triển, đặc biệt trong giai đoạn 2017-2021 thị trường phát triển nhanh trở thành một kênh huy động vốn cho doanh nghiệp bên cạnh kênh huy động vốn tín dụng ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vốn phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Khung khổ pháp lý về phát hành TPDN luôn được hoàn thiện đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, góp phần phát triển thị trường TPDN an toàn, công khai minh bạch.

Thị trường TPDN bao gồm hai hình thức (i) phát hành trái phiếu ra công chúng và (ii) phát hành trái phiếu riêng lẻ. So với thị trường sơ cấp TPDN riêng lẻ, quy mô thị trường sơ cấp TPDN phát hành ra công chúng còn nhỏ.

TPDN phát hành chủ yếu là trái phiếu thường, không chuyển đổi và không kèm chứng quyền.

Kể từ năm 2022 đến nay, khung pháp lý về phát hành TPDN được hoàn thiện hơn từ cấp luật, Nghị định đến các Thông tư hướng dẫn.

Bảng 13: Quá trình hình thành và phát triển của thị trường TPDN

	Khung pháp lý	Kết quả
1994 – 2005 Giai đoạn sơ khai	Nghị định 120/CP ngày 17/9/1994 ban hành quy chế tạm thời về việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu DNNN. Nghị định 23/CP năm 1995 về việc phát hành trái phiếu quốc tế. Quyết định 212/QĐ/NH1 ngày 22/9/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành thể lệ phát hành trái phiếu NHTM, ngân hàng đầu tư, và hướng dẫn phát hành trái phiếu của các TCTD.	Trong giai đoạn này, một số DNNN phát hành trái phiếu để huy động vốn, có 02 công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi. Công ty xi măng Hoàng Thạch phát hành 44,45 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 4 năm (1994), Nhà máy xi măng Anh Sơn phát hành 7,7 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 3 năm và 5 năm (1994). Năm 1996, Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) là công ty cổ phần đầu tiên phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi với tổng mệnh giá 5 triệu USD. Công ty cổ phần công nghệ thông tin (EIS) phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 10 tỷ đồng, kỳ hạn 3 năm (2001). Công ty tài chính dầu khí (PVFC) phát hành 300 tỷ đồng (2003), Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN) phát hành 300 tỷ đồng (2003), Tổng công ty xi măng phát hành 200 tỷ đồng (2003)… Năm 2005, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam phát hành 1.375 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 7 năm.

	Khung pháp lý	Kết quả
2006 - 2010 Giai đoạn đầu của sự phát triển	Luật chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2010 lần đầu quy định về phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ. Nghị định 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 về phát hành TPDN Nghị định 53/2009/NĐ-CP ngày 4/6/2009 về phát hành trái phiếu quốc tế.	Sau khi Nghị định 52/2006/NĐ-CP có hiệu lực, thị trường TPDN bước đầu có sự phát triển: Tổng giá trị TPDN phát hành năm 2006 khoảng 22.000 tỷ đồng, trong đó EVN là 6.000 tỷ đồng, Tổng công ty Sông Đà là 260 tỷ đồng... Năm 2007, một số doanh nghiệp phát hành trái phiếu với khối lượng lớn như BIDV (3.000 tỷ đồng), NHTM cổ phần Á Châu (4.170 tỷ đồng), Techcombank (1.750 tỷ đồng)... Giai đoạn 2006-2009, đã có 35 đợt phát hành trái phiếu của các Tổng công ty, Tập đoàn lớn; trong đó EVN phát hành 10 đợt với số vốn huy động là 10.200 tỷ đồng. Năm 2010 có 45 đợt phát hành với tổng giá trị gần 45.500 tỷ đồng.
2011 – 2017 Giai đoạn sau khủng hoảng kinh tế	Nghị định 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành TPDN. Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012. Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán. Thông tư 211/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành TPDN.	Khối lượng phát hành TPDN trong giai đoạn này có sự tăng trưởng qua từng năm, tổng khối lượng phát hành giai đoạn 2012-2017 đạt 349.924 tỷ đồng, quy mô thị trường tăng khoảng 26%/năm, phát hành TPDN riêng lẻ là chủ yếu. Một số doanh nghiệp như Vinacomin, EVN, VIPD Group, Vingroup, Hoàng Anh Gia Lai phát hành TPDN với giá trị lớn. Một số doanh nghiệp đã phát hành trên thị trường quốc tế. Masan phát hành 155 triệu USD trái phiếu chuyển đổi, kỳ hạn 4 năm tại thị trường quốc tế.

	Khung pháp lý	Kết quả
2011 – 2017 Giai đoạn sau khủng hoảng kinh tế	Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm. Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán. Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng.	Vingroup phát hành 300 triệu USD trái phiếu chuyển đổi trên thị trường Singapore, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5%/năm. VietinBank phát hành 250 triệu USD, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 8,25%/năm
2018 - 2021 Giai đoạn tăng trưởng nhanh	Luật Chứng khoán 2019. Luật Doanh nghiệp 2020. Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 về phát hành TPDN. Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 9/7/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 về phát hành TPDN. Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch TPDN tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán. Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Giai đoạn này thị trường TPDN tăng trưởng mạnh, bình quân tăng 51,4%/năm với tổng khối lượng phát hành đạt trên 1.036,5 tỷ đồng, chủ yếu là phát hành TPDN riêng lẻ. Một số doanh nghiệp phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế: Novaland phát hành 160 triệu USD trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 5 năm, coupon 5,5%/năm trên thị trường Singapore (Tháng 4/2018). VPBank phát hành 300 triệu USD trái phiếu kỳ hạn 3 năm, lãi suất 6,25%/năm trên thị trường Singapore (tháng 7/2019). Phú Mỹ Hưng phát hành 75 triệu USD kỳ hạn 7 năm (tháng 9/2020) và 80 triệu USD trái phiếu kỳ hạn 5 năm (tháng 10/2020) trên Sàn GDCK Đài Bắc. Năm 2020 và 2021, HDBank phát hành 325 triệu USD trái phiếu chuyển đổi quốc tế. BIM Land phát hành 200 triệu USD trái phiếu xanh với lãi suất 7,375%/năm, kỳ hạn 5 năm, được niêm yết trên thị trường Singapore (tháng 5/2021).

	Khung pháp lý	Kết quả
2018 – 2021 Giai đoạn tăng trưởng nhanh	Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tư 77/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 9/7/2020 quy định về phát hành TPDN. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng. Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, TPDN, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.	Vingroup phát hành 500 triệu USD trái phiếu kèm quyền chọn nhận cổ phiếu, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 3%/năm trên thị trường Singapore (tháng 4/2021). Novaland phát hành 300 triệu USD trái phiếu chuyển đổi trên thị trường Singapore, kỳ hạn 5 năm, lãi suất phát hành 5,25%/năm (tháng 7/2021). Ngày 6/7/2024, Novaland đã hoàn thành thỏa thuận tái cấu trúc gói trái phiếu chuyển đổi trị giá gần 299 triệu USD được quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Vinpearl phát hành 425 triệu USD trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 5 năm, lãi suất 3,25%/năm trên thị trường chứng khoán Singapore (tháng 9/2021). Ngày 11/07/2024, Vingroup đã công bố việc hủy niêm yết 1.250 trái phiếu còn lại của lô trái phiếu do Vingroup đã mua lại toàn bộ số trái phiếu này trước hạn. Tổng giá trị mua lại ước tính là 250 triệu USD.
2022 - 2023 Áp dụng khung khổ mới về phát hành TPDN	Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	Một số doanh nghiệp phát hành trên thị trường quốc tế như: Tháng 6/2022, Novaland chào bán lô trái phiếu với tổng giá trị 5.774 tỷ đồng cho hai nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) do Warburg Pincus dẫn đầu. Ngày 25/10/2023, Tập đoàn Vingroup đã hoàn thành giao dịch chào bán 250 triệu USD trái phiếu quốc tế. Trái phiếu có thể hoán đổi thành cổ phiếu Vinhomes do Vingroup sở hữu, đáo hạn vào năm 2028.

	Khung pháp lý	Kết quả
	Thông tư 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch TPDN chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.	
Năm 2024 Thay đổi trong khung pháp lý về TPDN	Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2019 và 8 luật khác. Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, VSDC.	Khối lượng phát hành TPDN trong năm 2024 có sự tăng trưởng. Đây là kết quả tích cực, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư đã được phục hồi, các doanh nghiệp đã đẩy mạnh phát hành trái phiếu để phục vụ sản xuất kinh doanh. Đối với thị trường quốc tế, năm 2024 ghi nhận một đợt phát hành trái phiếu của Vinpearl với giá trị 150 triệu USD, giảm 40% so với năm 2023.

2.1. Phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

Bảng 14. Quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về phát hành TPDN ra công chúng

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2025	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Văn bản pháp lý điều chỉnh	Luật Chứng khoán 2019. Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2019 và 8 Luật khác.	Luật Chứng khoán 2019. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.	Luật Chứng khoán 2006. Luật Chứng khoán sửa đổi 2010.

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2025	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Văn bản pháp lý điều chỉnh	Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.	Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.	Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012. Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng.
Điều kiện phát hành	Vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng Việt Nam trở lên. - Đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán, không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm. - Đối với trái phiếu chuyển đổi, kèm chứng quyền: Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán.		Vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng Việt Nam trở lên. Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ luỹ kế tính đến năm đăng ký chào bán, không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.
	- Đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua.. - Đối với trái phiếu chuyển đổi, kèm chứng quyền: Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.		
	Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.		

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2025	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
	Tổ chức phát hành phải cam kết và thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.		
	- Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: giá trị trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền tính theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh phát hành với cam kết mua toàn bộ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền để bán lại hoặc mua số trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền còn lại chưa được phân phối hết.		Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: Công ty đại chúng đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải cam kết đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn một năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
	Đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm, áp dụng kể từ ngày 01/01/2025.	Đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp giá trị trái phiếu phát hành lớn hơn 500 tỷ đồng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu, hoặc tổng dư nợ trái phiếu tại thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu, áp dụng sau 2 năm kể từ ngày 01/01/2021 (tức từ ngày 01/01/2023).	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2025	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
	Một số điều kiện khác của trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu có bảo đảm được quy định cụ thể tại Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020		Một số điều kiện khác của trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu có bảo đảm được quy định cụ thể tại Luật Chứng khoán 2006, Luật Chứng khoán sửa đổi 2010, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015.
Thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu	- Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua. - Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành và phương án sử dụng vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.		
Công bố thông tin	- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra công chúng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định, gồm công bố thông tin trước và sau phát hành, công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin về tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán, công bố thông tin đột xuất và công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu. - Nội dung công bố thông tin phải gửi cho UBCKNN, và được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành và Sở GDCK.		

2.2. Phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Bảng 15. Quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về phát hành TPDN riêng lẻ

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Văn bản pháp lý điều chỉnh	Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2019 và 8 Luật khác. Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế. Thông tư 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 về phát hành TPDN. Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 9/7/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2018/NĐ-CP về phát hành TPDN. Thông tư 77/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 9/7/2020 quy định về phát hành TPDN.

<table>
<tr><th></th><th>Quy định
điều chỉnh áp dụng
từ ngày 1/1/2026</th><th>Quy định áp dụng
từ năm 2021 - 2024</th><th>Quy định
trước năm 2021</th></tr>
<tr><td rowspan="5">Điều kiện
phát hành</td><td colspan="2"></td><td>Có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm</td></tr>
<tr><td>Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; Trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; Doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.</td><td>Quy định trước ngày 16/09/2022: Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.

Quy định từ ngày 16/09/2022: Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; Trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; Doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.</td><td>Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</td></tr>
</table>

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Điều kiện phát hành			Đảm bảo dư nợ TPDN phát hành riêng lẻ tại thời điểm phát hành (bao gồm cả khối lượng dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý gần nhất tại thời điểm phát hành.
	Mệnh giá trái phiếu chào bán 100,000,000 đồng/trái phiếu hoặc bội số của 100,000,000 đồng.	Quy định trước ngày 16/09/2022: Mệnh giá trái phiếu chào bán 100,000 đồng/trái phiếu (quy định trước năm 2022). Quy định từ ngày 16/09/2022: Mệnh giá trái phiếu chào bán 100,000,000 đồng/trái phiếu hoặc bội số của 100,000,000 đồng.	
Hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền	Về điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:	Hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi.	Hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Điều kiện phát hành	Hồ sơ chào bán của phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán cổ phiếu, bảo đảm cổ đông có thêm cơ sở quyết định phương án chào bán; Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đối với đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán đối với đợt chào bán trái phiếu kèm chứng quyền. Việc giao dịch, chuyển nhượng bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	trái phiếu kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Thời gian phân phối trái phiếu từng đợt chào bán	Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.	Quy định trước ngày 16/09/2022: Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên (quy định trước năm 2022). Quy định từ ngày 16/09/2022: - Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên. - Ngưng hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 với Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.	Mỗi đợt phát hành phải hoàn thành trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước khi phát hành; 2 đợt phát hành liên tiếp phải cách nhau tối thiểu 06 tháng, các trái phiếu trong một đợt phát hành phải có cùng điều kiện, điều khoản (theo Nghị định 81/2020/NĐ-CP).
Phương án doanh nghiệp phát hành trái phiếu	Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của	Quy định trước ngày 16/09/2022: Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư; các hoạt động sản xuất, kinh doanh cần bổ sung vốn; nguồn vốn được cơ cấu (cụ thể từng khoản nợ hoặc vốn chủ sở hữu được cơ cấu, giá trị của khoản nợ hoặc vốn chủ sở hữu được cơ cấu).	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Phương án doanh nghiệp phát hành trái phiếu	chương trình, dự án); khoản nợ được cơ cấu (cụ thể giá trị, kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu).	Quy định từ ngày 16/09/2022: Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của chương trình, dự án); khoản nợ được cơ cấu (cụ thể giá trị, kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu).	
Doanh nghiệp phát hành trái phiếu	Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư. Trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo	Quy định trước ngày 16/09/2022: Trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Quy định từ ngày 16/09/2022: Trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định 153, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu.	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Doanh nghiệp phát hành trái phiếu	(nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định 153, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó. b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận. c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật. - Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư.	để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó. b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận. c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật. - Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư. - Ngưng hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2023 với quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Nhà đầu tư trái phiếu	- Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán. - Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư. - Đối với trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức. Trường hợp trái phiếu chào bán thuộc trường hợp quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán, đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.	Áp dụng từ ngày 01/01/2021: Đối với trái phiếu chuyển đổi, và trái phiếu kèm chứng quyền, đối tượng mua là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư. Áp dụng từ ngày 16/09/2022: - Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán. - Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư. - Ngưng hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2023 với Quy định về việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.	Áp dụng trước ngày 01/01/2021: Dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành. Áp dụng từ ngày 01/01/2021: Chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua và giao dịch trái phiếu riêng lẻ. (Khái niệm và phạm vi nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán 2019)

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành	Phương án chào bán trái phiếu phải được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị (có báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất); Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty hoặc cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Công ty. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.		Phương án chào bán trái phiếu phải được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị (có báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất); Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Công ty. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Đối với công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền, sau khi phương án phát hành trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, doanh nghiệp phát hành phải đăng ký với UBCKNN và chỉ được phát hành trái phiếu khi có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN.
Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu	Doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu khi đáp ứng các quy định sau: - Được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua; - Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.	- Quy định trước ngày 16/09/2022: Doanh nghiệp không được thay đổi kỳ hạn của trái phiếu đã phát hành. - Quy định từ ngày 16/09/2022: Doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu khi đáp ứng các quy định sau: - Được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua;	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu	Thông tin về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin bất thường theo quy định tại điều 22 Nghị định 153. - Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau (Nghị định 08/2023/NĐ-CP): + Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 65. - Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư. - Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).	- Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Thông tin về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin bất thường theo quy định tại điều 22 Nghị định 153. - Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau (Nghị định 08/2023/NĐ-CP): + Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 65. - Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư. - Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của NHNN. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại. 2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 153. 3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm: a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu. b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi: - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch TPDN theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.	- Quy định trước ngày 16/09/2022: 1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi theo thỏa thuận với chủ sở hữu trái phiếu để giảm nợ, cơ cấu lại nợ trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của NHNN. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại. 2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. - Quy định từ ngày 16/9/2022: 1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của NHNN. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại. 2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	- Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. (Không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền). - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 13 Nghị định 153 (nếu có).	3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm: a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu. b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi: - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch TPDN theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. (Không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền). - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 13 Nghị định 153 (nếu có).	

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Công bố thông tin	Công bố thông tin trước đợt phát hành: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở GDCK. Công bố thông tin kết quả phát hành: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở GDCK. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở GDCK.	- Quy định trước ngày 16/09/2022: Công bố thông tin trước đợt phát hành: Trong 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở GDCK. Công bố thông tin kết quả phát hành: Trong 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở GDCK, để Sở GDCK công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về TPDN. Doanh nghiệp phát hành công bố thông tin định kỳ (6 tháng, hàng năm) và công bố thông tin bất thường của DN cho Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở GDCK. Công bố thông tin phát hành ra thị trường quốc tế: Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở GDCK. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Quy định từ ngày 16/09/2022: Công bố thông tin trước đợt phát hành: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở GDCK.	Công bố thông tin trước đợt phát hành: Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở GDCK (áp dụng từ ngày 1/9/2020) Công bố thông tin kết quả phát hành: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho Nhà đầu tư sở hữu Trái phiếu và Sở GDCK.

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Công bố thông tin	Công bố thông tin phát hành ra thị trường quốc tế: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở GDCK. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp (bổ sung): - Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu. - Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc. - Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định.	Công bố thông tin kết quả phát hành: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở GDCK. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở GDCK. Công bố thông tin phát hành ra thị trường quốc tế: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở GDCK. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp (bổ sung): - Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu. - Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc. - Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định.	Doanh nghiệp phát hành công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp cho Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở GDCK.

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Đăng ký, lưu ký	Doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại VSDC trong thời hạn sau: - 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. - 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 20 Nghị định 153 đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản 1.	- Quy định trước ngày 16/09/2022: Trái phiếu phát hành riêng lẻ được đăng ký, lưu ký tại VSDC hoặc tổ chức là thành viên lưu ký của VSDC. Thời hạn đăng ký, lưu ký trái phiếu: 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tại một thời điểm, mỗi mã TPDN chỉ được đăng ký, lưu ký tại một tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu. - Quy định từ ngày 16/09/2022: Doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại VSDC trong thời hạn sau: + 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. + 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 20 Nghị định 153 đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản 1.	Trái phiếu phát hành riêng lẻ được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) hoặc các thành viên của VSD. Thời hạn đăng ký, lưu ký trái phiếu: Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành. Mỗi loại TPDN chỉ được đăng ký tại một tổ chức lưu ký được phép.

	Quy định điều chỉnh áp dụng từ ngày 1/1/2026	Quy định áp dụng từ năm 2021 - 2024	Quy định trước năm 2021
Giao dịch trái phiếu	Thị trường niêm yết, giao dịch TPDN được tổ chức tại HNX và HOSE; trái phiếu niêm yết được giao dịch theo phương thức thỏa thuận tại Sở GDCK và báo cáo kết quả giao dịch cho Sở GDCK.	Sau khi phát hành, TPDN phát hành riêng lẻ thường được nhà đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; giao dịch trái phiếu chủ yếu được thực hiện giữa nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và các công ty chứng khoán làm đại lý phân phối. Ngày 19/7/2023, Bộ Tài chính chính thức đưa vào vận hành hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại HNX. Thị trường niêm yết, giao dịch TPDN được tổ chức tại HNX và HOSE; trái phiếu niêm yết được giao dịch theo phương thức thỏa thuận tại Sở GDCK và báo cáo kết quả giao dịch cho Sở GDCK.	Sau khi phát hành, TPDN phát hành riêng lẻ thường được nhà đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; giao dịch trái phiếu chủ yếu được thực hiện giữa nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và các công ty chứng khoán làm đại lý phân phối.

Bảng 16. Doanh nghiệp phát hành, nhà đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường TPDN riêng lẻ

Doanh nghiệp phát hành	Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.
Nhà đầu tư	Nhà đầu tư trên thị trường TPDN gồm NHTM, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật chứng khoán. Đối với TPDN phát hành riêng lẻ, chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua và giao dịch trái phiếu. Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư.
Tổ chức tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu	Là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định của háp luật chứng khoán.
Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu	Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu gồm công ty chứng khoán, TCTD và các định chế tài chính. Các tổ chức này có trách nhiệm rà soát đảm bảo đúng đối tượng được mua TPDN riêng lẻ.

Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu	Toàn bộ TPDN phát hành riêng lẻ được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký được phép bao gồm VSDC và tổ chức là thành viên của VSDC.
Tổ chức đại diện chủ sở hữu trái phiếu	Là một trong các tổ chức cung cấp dịch vụ được chỉ định hoặc lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.
Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Việc thành lập, hoạt động và cung cấp dịch vụ của tổ chức xếp hạng tín nhiệm thực hiện theo quy định của Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Tính đến cuối năm 2024, đã có 05 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

3. Thị trường trái phiếu xanh

Khung pháp lý cho phát hành TPCP xanh, TPCQĐP xanh và TPDN xanh đã được quy định tại cấp Luật và Nghị định. Ngày 04/07/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. Đây là văn bản pháp lý để tạo cơ sở cho các tổ chức phát hành, nhà đầu tư xác định dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi Nhà nước về phát hành trái phiếu xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính bền vững.

Loại hình trái phiếu xanh	Quy định pháp luật
	Năm 2020, Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ 01/01/2022), Điều 150 quy định về phát hành trái phiếu xanh, cụ thể: (i) chủ thể phát hành trái phiếu xanh gồm Chính phủ, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp; (ii) nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, theo dõi theo quy định của pháp luật về trái phiếu và sử dụng cho dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường; (iii) chủ thể phát hành trái phiếu xanh phải cung cấp thông tin về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đầu tư và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh cho nhà đầu tư; (iv) quy định nguyên tắc chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật (v) Chính phủ quy định chi tiết điều này tại Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.

Loại hình trái phiếu xanh	Quy định pháp luật
TPCP xanh	Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, Điều 21 quy định về quy trình phát hành TPCP xanh, nội dung của Đề án phát hành TPCP xanh; việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch TPCP xanh thực hiện như đối với công cụ nợ của Chính phủ. Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 quy định về phát hành TPDN, đến năm 2020, Nghị định 153/2020/NĐ-CP ban hành thay thế Nghị định 163. Năm 2021 tiếp tục nghiên cứu nâng cấp quy định về trái phiếu xanh và phát hành trái phiếu xanh ở cấp Luật (Luật Bảo vệ môi trường 2020, có hiệu lực từ 2022).
TPCQĐP xanh	Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, Điều 8 quy định việc phát hành TPCQĐP xanh phải tuân thủ quy định về phát hành TPCQĐP và UBND cấp tỉnh phải báo cáo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn phát hành TPCQĐP xanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó, việc tổ chức phát hành TPCQĐP xanh thực hiện theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
TPDN xanh	Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về phát hành TPDN quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn, công bố thông tin đối với phát hành TPDN xanh. Việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch TPDN xanh thực hiện như đối với TPDN thông thường; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế; Nghị định số 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.

PHỤ LỤC 2

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU 2015 - 2024

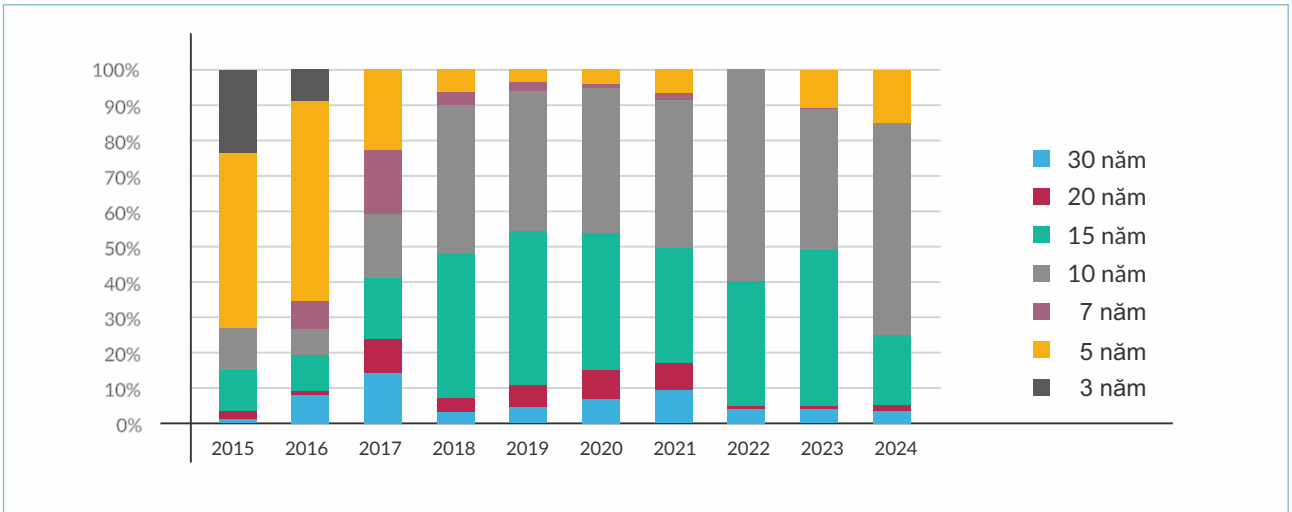


1. Thị trường trái phiếu Chính phủ

Trong giai đoạn 2015-2024, tổng khối lượng TPCP phát hành là 2.695 nghìn tỷ đồng, đáp ứng 70% tổng huy động vốn vay của Chính phủ, trong đó bình quân giai đoạn 2015-2020 huy động 255 nghìn tỷ đồng/năm, giai đoạn 2021-2024, huy động bình quân 290 nghìn tỷ đồng/năm.

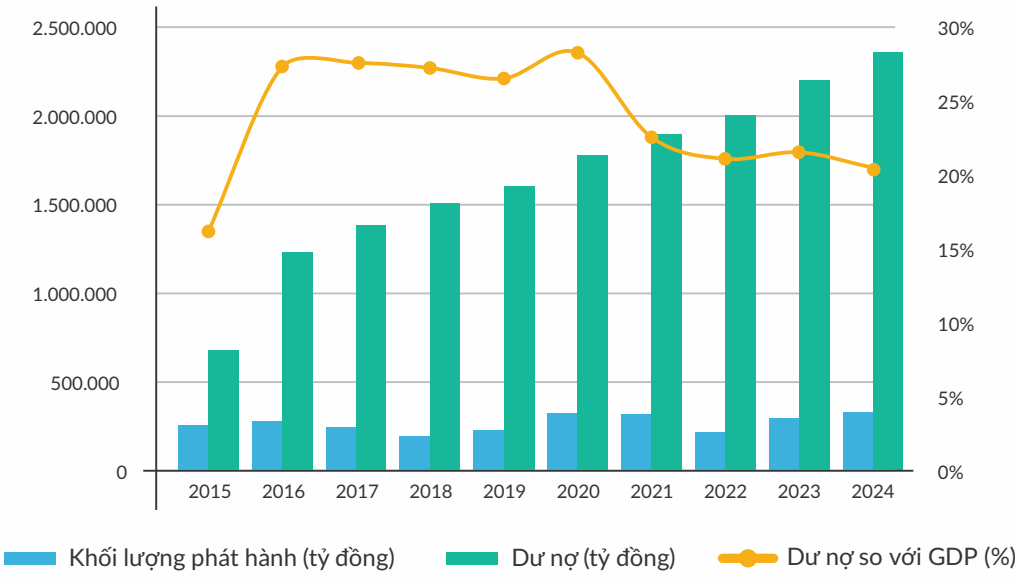
Thị trường thứ cấp TPCP từng bước phát triển, khối lượng giao dịch trái phiếu tăng dần qua các năm, tổng giá trị giao dịch trên thị trường TPCP năm 2024 đạt 2.837 nghìn tỷ đồng, bình quân 11.327 tỷ đồng/phiên, tăng 81% so với năm 2023. Trong đó, giá trị giao dịch mua bán thông thường (outright) tăng 60% lên hơn 1.840 nghìn tỷ đồng, giao dịch repo tăng 143% lên 992 nghìn tỷ đồng so với năm 2023. Thanh khoản được cải thiện theo hướng tăng dần tỷ trọng giao dịch outright, giảm tỷ trọng giao dịch repo.

Biểu 15. Tỷ trọng phát hành TPCP 2015-2024



Nguồn: HNX

Biểu 16. Khối lượng phát hành và dư nợ TPCP



Nguồn: HNX

Bảng 17. Giá trị giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp

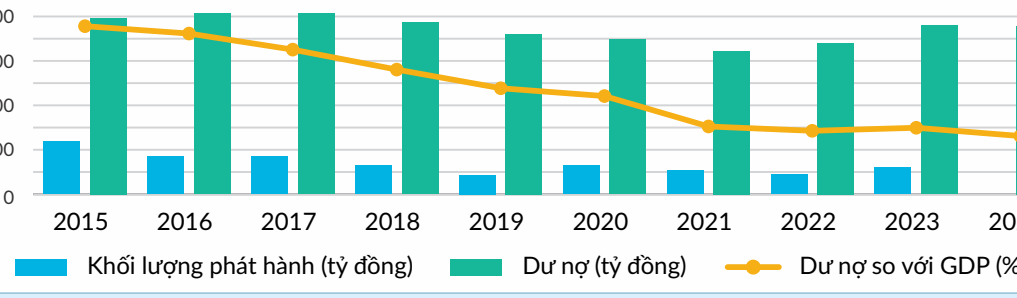
Đơn vị: tỷ đồng

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giao dịch mua bán thông thường	527.594	853.549	1.056.773	908.699	1.032.416	1.593.668	1.814.799	1.044.643	1.149.473	1.839.553
Giao dịch repo	233.812	483.825	888.153	973.725	899.628	721.469	834.317	743.681	407.412	992.113
Tổng giá trị giao dịch	761.406	1.337.374	1.944.926	1.882.424	1.932.044	2.315.137	2.649.115	1.788.324	1.556.885	2.831.667
Giá trị giao dịch bình quân phiên	3.070	5.328	7.780	7.530	7.728	9.187	10.596	7.184	6.253	11.327

Nguồn: HNX

2. Thị trường trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

Biểu 17: Khối lượng phát hành và dư nợ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh giai đoạn 2015-2024



Nguồn: BTC

Bảng 18. Giá trị giao dịch trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh giai đoạn 2015-2024

Đơn vị: tỷ đồng

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giao dịch mua bán thông thường	76.306	136.447	82.342	102.039	103.472	81.022	62.273	47.339	32.987	58.955
Giao dịch repo	63.765	119.857	219.088	195.649	222.209	187.727	99.399	80.839	31.845	52.926
Tổng giá trị giao dịch	**140.071**	**256.304**	**301.430**	**297.687**	**325.681**	**268.749**	**161.673**	**128.178**	**64.832**	**111.881**
Giá trị giao dịch bình quân phiên	565	1.021	1.206	1.191	1.303	1.066	647	515	261	447

Nguồn: HNX

Đối với TPCPBL, khối lượng giao dịch nhìn chung có xu hướng giảm qua các năm kể từ 2019.

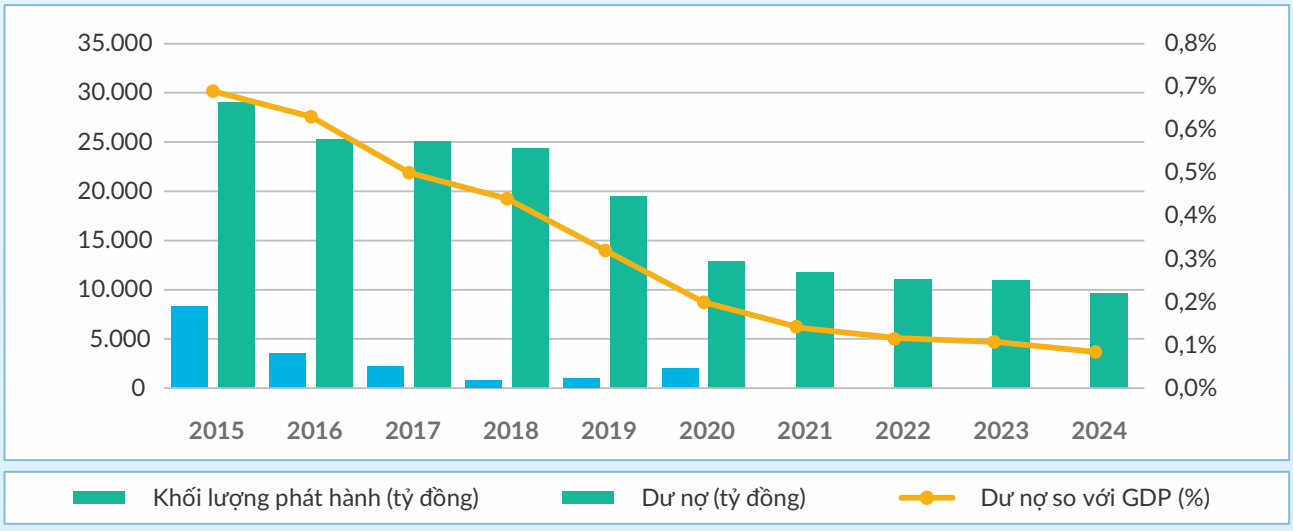
3. Thị trường trái phiếu chính quyền địa phương

Trong giai đoạn 2015-2024, tổng khối lượng phát hành TPCQĐP trên thị trường sơ cấp đạt gần 19.700 tỷ đồng, trong giai đoạn 2015-2020 bình quân khoảng 3.000 tỷ đồng/năm, giai đoạn 2021-2024 không phát hành TPCQĐP. Việc phát hành TPCQĐP giúp đáp ứng một phần nhu cầu huy động vốn cho các địa phương để đầu tư cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Thành phố Hồ Chí Minh là nhà phát hành lớn nhất trên thị trường TPCQĐP với tổng khối lượng phát hành trong cả giai đoạn là 10.800 tỷ đồng.

Biểu 18: Khối lượng phát hành và dư nợ TPCQĐP giai đoạn 2015-2024

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: HNX

Bảng 19: Giá trị giao dịch TPCQĐP giai đoạn 2015-2024

Đơn vị: tỷ đồng

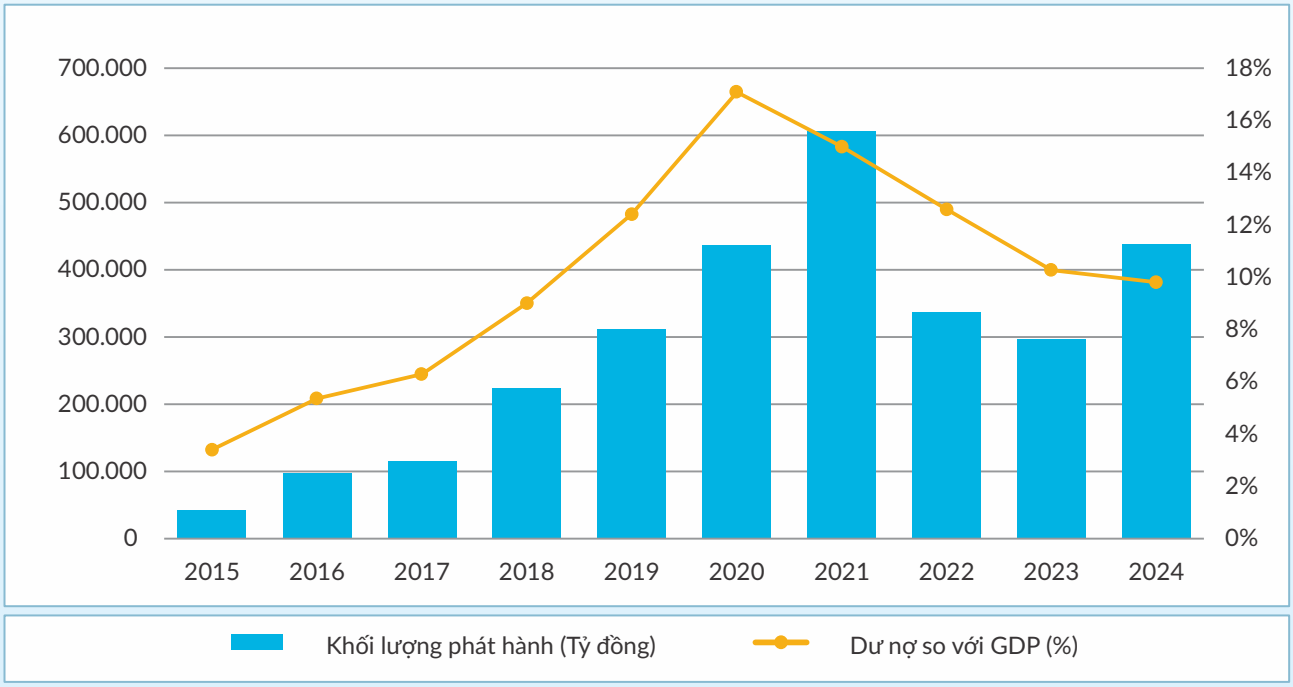
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Giao dịch mua bán thông thường	2.903	1.284	3.018	551	-	5.491	212	-	-	1.542
Giao dịch repo	2.615	336	752	34	40	-	-	-	-	-
Tổng giá trị giao dịch	**5.517**	**1.620**	**3.770**	**585**	**40**	**5.491**	**212**	**-**	**-**	**1.542**
Giá trị giao dịch bình quân phiên	22	6	15	2	0,16	22	0,85	-	-	6

Nguồn: HNX

4. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng khối lượng TPDN phát hành riêng lẻ trong giai đoạn 2015-2024 đạt khoảng 3.073 nghìn tỷ đồng, bình quân khối lượng phát hành khoảng 256 nghìn tỷ đồng/năm.

Biểu 19: Khối lượng TPDN phát hành và dư nợ giai đoạn 2015-2024



Nguồn: HNX

Về sản phẩm, hàng hóa: Trên thị trường TPDN có các sản phẩm từ 1 năm đến trên 20 năm; trong đó kỳ hạn phát hành phổ biến là 2 năm, 3 năm, 5 năm phù hợp với chu kỳ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp.

Về lãi suất phát hành, thay vì xác định lãi suất theo phương thức thả nổi căn cứ vào lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại các NHTM cộng thêm biên độ từ 2-4%/năm so với trước đây, các tổ chức phát hành đang dần chuyển sang lãi suất cố định, phần lớn các mã do tổ chức tín dụng phát hành.

Về các doanh nghiệp phát hành: Trong giai đoạn 2015-2024, NHTM là nhà phát hành lớn nhất trên thị trường TPDN (theo cả hai phương thức phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng); các NHTM đẩy mạnh huy động vốn trái phiếu để tăng vốn cấp II và tăng nguồn vốn dài hạn nhằm đáp ứng các chỉ tiêu an toàn vốn theo Basel II.

Hoạt động giao dịch và thanh toán: giao dịch thứ cấp đối với TPDN phát hành riêng lẻ còn hạn chế, trái phiếu thường được nhà đầu tư mua và nắm giữ đến ngày đáo hạn, mua lại trước hạn hoặc giao dịch giữa nhà đầu tư và công ty chứng khoán là tổ chức đại lý phát hành. Sàn giao dịch TPDN riêng lẻ chính thức được khai trương và đi vào vận hành từ ngày 19/7/2023. Tính đến cuối năm 2024, tổng khối lượng trái phiếu giao dịch qua hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của HNX đạt gần 2.128,6 triệu trái phiếu với giá trị giao dịch là 1.084.169,3 tỷ đồng. Tính bình quân, giá trị giao dịch đạt 4.336,7 tỷ đồng/phiên.

Trong năm 2024, tổng khối lượng trái phiếu chuyển quyền sở hữu đạt 549 triệu trái phiếu, tương đương với giá trị 401.899,2 tỷ đồng, bình quân giá trị chuyển nhượng đạt 1.607,6 tỷ đồng/ngày.

Về cơ sở nhà đầu tư: Nhà đầu tư sơ cấp TPDN chủ yếu là TCTD (mua khoảng 30-40% tổng khối lượng trái phiếu phát hành), công ty chứng khoán (mua khoảng 30-40% tổng khối lượng trái phiếu phát hành), còn lại là doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ đầu tư, các tổ chức khác và nhà đầu tư cá nhân.

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU



Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Luật Quản lý nợ công năm 2017	23/11/2017	01/07/2018
Luật Chứng khoán năm 2019	26/11/2019	01/01/2021
Luật Doanh nghiệp 2020	17/06/2020	01/01/2021
Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.	29/11/2024	01/01/2025
Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ hướng dẫn phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.	30/06/2018	01/07/2018
Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.	26/09/2014	15/11/2014
Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ chính quyền địa phương.	30/06/2018	01/07/2018
Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.	26/06/2018	01/07/2018
Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về chào bán và giao dịch TPDN riêng lẻ, chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	31/12/2020	01/01/2021

Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	31/12/2020	01/01/2021
Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	31/12/2020	01/01/2021
Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.	31/12/2020	01/01/2021
Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	30/12/2021	01/01/2022
Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	16/09/2022	16/09/2022
Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	05/03/2023	05/03/2023
Nghị định 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.	29/11/2023	15/01/2024
Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP tại thị trường trong nước.	15/11/2018	01/01/2019

Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước.	15/11/2018	01/01/2019
Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL do các ngân hàng chính sách phát hành và TPCQĐP.	28/05/2019	15/07/2019
Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15/9/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 hướng dẫn việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP.	15/09/2020	01/11/2020
Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán	16/11/2020	01/01/2021
Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	16/11/2020	01/01/2021
Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin, báo cáo theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chào bán và giao dịch TPDN riêng lẻ, chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.	31/12/2020	15/02/2020
Thông tư số 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN.	21/12/2020	01/04/2021
Thông tư 117/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	31/12/2020	15/02/2021

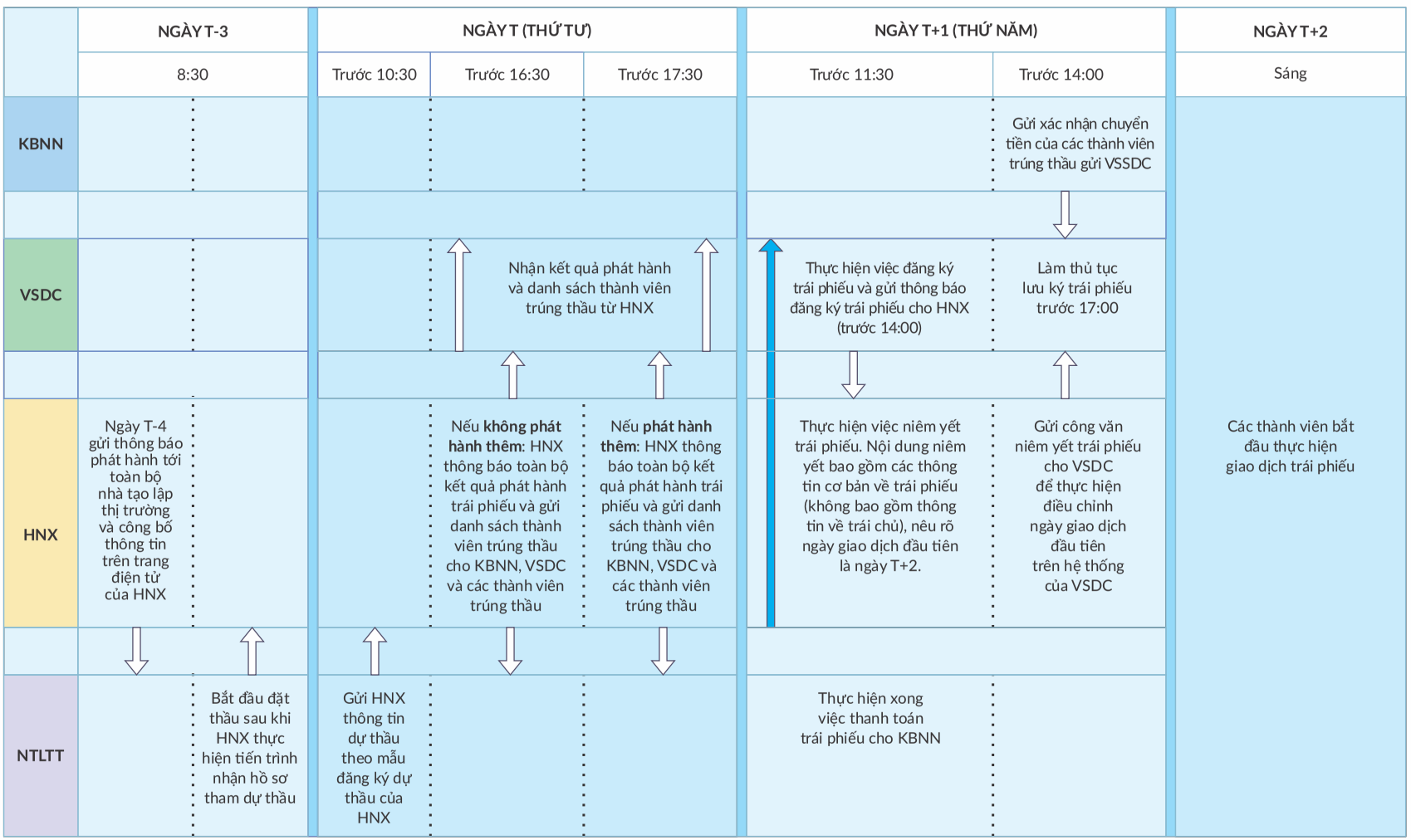
Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.	31/12/2020	15/02/2021
Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, TPDN, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.	31/12/2020	15/02/2021
Thông tư 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.	31/12/2020	15/02/2021
Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do NHNN ban hành.	31/03/2021	17/05/2021
Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 quy định việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán TPDN.	10/11/2021	15/01/2022
Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở GDCK và VSDC.	17/11/2021	01/01/2022
Thông tư 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, NHTM tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.	17/11/2021	01/01/2022
Thông tư 12/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước.	30/07/2021	27/10/2021
Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	30/06/2021	16/08/2021

Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Thông tư 57/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.	12/07/2021	20/07/2021
Thông tư số 79/2021/TT-BTC ngày 21/9/2021 sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, TPCPBL và TPCQĐP tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.	21/09/2021	15/11/2021
Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.	07/04/2022	25/05/2022
Thông tư số 16/2022/TT-NHNN ngày 30/11/2022 quy định về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại NHNN.	30/11/2022	17/01/2023
Thông tư số 12/2023/TT-BTC ngày 10/02/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN.	10/02/2023	04/05/2023
Thông tư số 03/2023/TT-NHNN quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 của Thống đốc NHNN quy định việc TCTD, chi nhánh NHNN mua, bán TPDN.	23/04/2023	24/04/2023

Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch TPDN chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.	17/05/2023	1/7/2023
Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.	15/11/2023	30/12/2023
Thông tư số 73/2023/TT-BTC ngày 19/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	19/12/2023	05/02/2024
Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.	26/11/2024	10/01/2025
Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 về công bố thông tin chào bán TPDN riêng lẻ trong nước.	06/11/2024	25/12/2024

PHỤ LỤC 4

QUY TRÌNH PHÁT HÀNH TPCP THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU



PHỤ LỤC 5

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN GIAO DỊCH, THANH TOÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP



1. Về các bước thực hiện giao dịch

(1) Thỏa thuận và đặt lệnh

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức 04 loại hình giao dịch là giao dịch mua bán thông thường, giao dịch mua bán lại, giao dịch bán kết hợp mua lại (SBB) và giao dịch vay và cho vay (SBL). Theo quy định tại Thông tư số 30/2019/TT-BTC, việc thực hiện giao dịch theo hướng dẫn tại quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Giao dịch TPCP, TPCPBL và TPCQĐP được thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận dưới 2 hình thức:

+ Thực hiện trực tiếp trên hệ thống giao dịch TPCP của HNX thông qua hình thức thỏa thuận điện tử toàn thị trường và thỏa thuận điện tử tùy chọn;

+ Thực hiện giao dịch ngoài hệ thống giao dịch và báo cáo kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch của HNX, theo hình thức này các bên tự thỏa thuận với nhau bằng công cụ gửi tin nhắn trên hệ thống giao dịch hoặc bằng các phương tiện liên lạc ngoài hệ thống giao dịch về các điều kiện giao dịch và báo cáo kết quả vào hệ thống giao dịch để xác lập giao dịch. Kết quả giao dịch phải được báo cáo và nhập vào hệ thống giao dịch theo hướng dẫn tại quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

- Thời gian nhập lệnh:

+ Sáng từ: 9h00-11h30.

+ Chiều từ: 13h00-14h45.

- Kết quả giao dịch được xác lập khi một bên đặt lệnh và bên đối tác xác nhận lệnh trên hệ thống của HNX. Trong trường hợp bên đối tác không xác nhận lệnh, lệnh đặt sẽ hết hiệu lực khi kết thúc giờ giao dịch.

- Theo quy định tại Thông tư số 30/2019/TT-BTC, kết quả giao dịch phải được báo cáo và nhập vào hệ thống giao dịch theo hướng dẫn tại quy chế của Sở GDCK sau khi được UBCKNN chấp thuận.

(2) Tổng hợp, kết chuyển giao dịch cho VSDC:

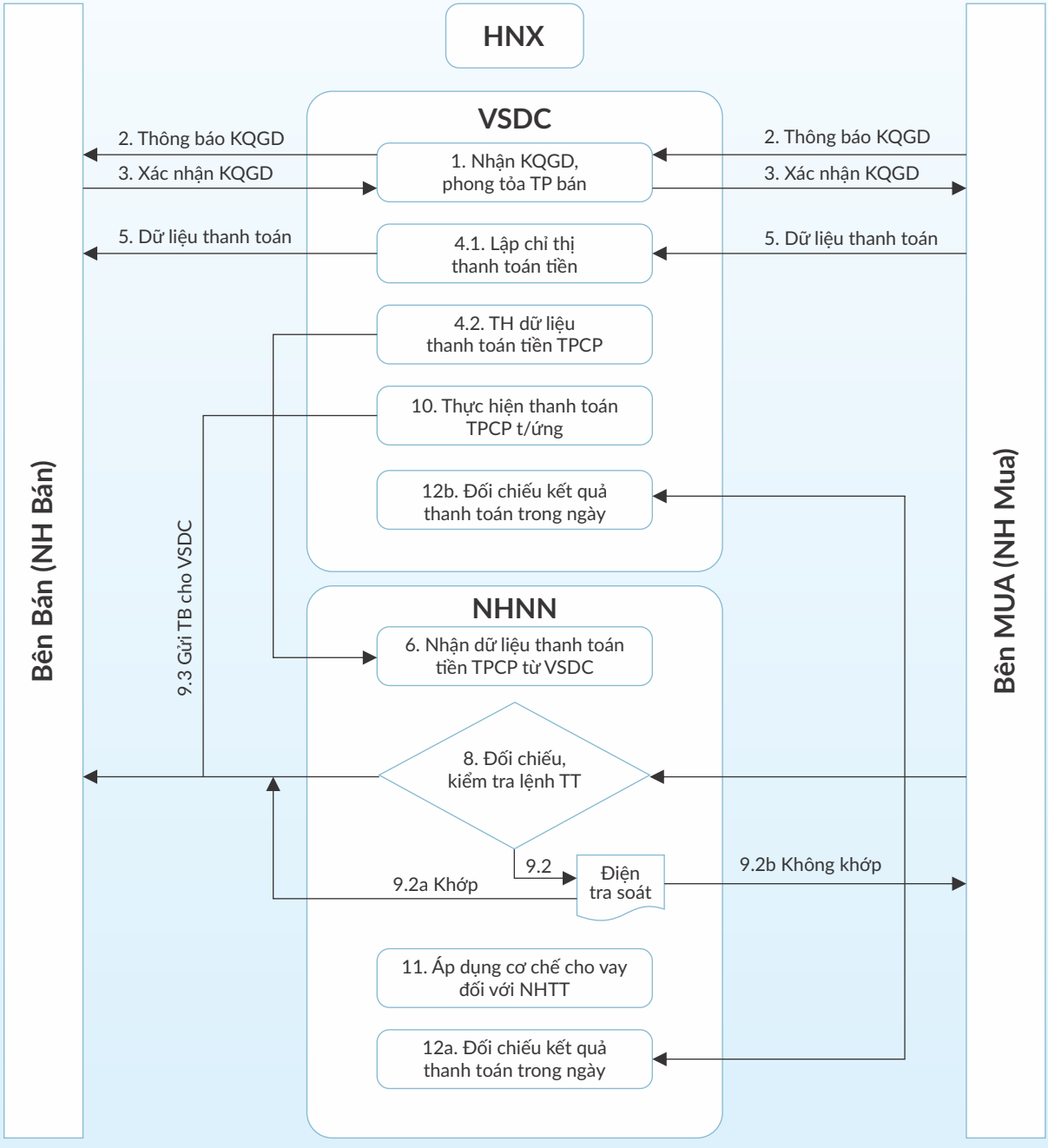
Ngày T

- HNX tổng hợp và gửi kết quả giao dịch cho VSDC từ 14h45 đến 15h00 ngày T.

+ **Bước 1**: VSDC nhận kết quả giao dịch và phong tỏa trái phiếu bán.

+ **Bước 2**: VSDC thông báo kết quả giao dịch cho bên bán và bên mua.

Ngày T + 1



Đầu ngày T + 1

- Bước 3: Bên bán và bên mua xác nhận kết quả giao dịch với VSDC.

+ Chậm nhất 08h30: Thành viên gửi xác nhận kết quả giao dịch.

+ Chậm nhất 08h45: VSDC thực hiện: Xử lý lỗi giao dịch/Loại bỏ thanh toán.

- Bước 4.1: VSDC lập chỉ thị thanh toán tiền TPCP.

- Bước 4.2: VSDC tổng hợp dữ liệu thanh toán tiền TPCP.

- Bước 5: VSDC gửi dữ liệu thanh toán cho bên bán và bên mua.

- **Bước 6:** VSDC gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SGD NHNN) Bảng tổng hợp dữ liệu thanh toán tiền giao dịch TPCP theo mẫu tại Phụ lục 01 Quyết định số 1583/QĐ-NHNN thông qua cổng giao tiếp điện tử. SGD NHNN thực hiện nhận và xác thực chữ ký điện tử của VSDC trên Bảng tổng hợp dữ liệu thanh toán tiền TPCP do VSDC gửi đến.

+ Đợt 1: Chậm nhất 08h45.

+ Đợt 2: Chậm nhất 11h00.

Trong ngày T+1 (từ 9h00 đến 15h30):

- **Bước 7:** Ngân hàng bên mua gửi lệnh thanh toán TPCP đến SGD NHNN.

- **Bước 8:** Ngay khi nhận được lệnh thanh toán từ hệ thống liên ngân hàng chuyển về, hệ thống core của NHNN tự động đối chiếu thông tin lệnh thanh toán giao dịch TPCP của ngân hàng bên mua với Bảng tổng hợp dữ liệu thanh toán tiền giao dịch TPCP do VSDC gửi đến.

- **Bước 9.1:** Trường hợp lệnh chuyển tiền thanh toán giao dịch TPCP khớp với dữ liệu do VSDC gửi đến, Phòng Kế toán SGD thực hiện ghi có tài khoản của ngân hàng bên bán mở tại SGD NHNN.

- **Bước 9.2:** Trường hợp lệnh chuyển tiền thanh toán giao dịch TPCP không khớp với dữ liệu do VSDC gửi đến, SGD NHNN thực hiện gửi điện tra soát đến ngân hàng bên mua.

+ Bước 9.2a: Nếu trả lời tra soát đối chiếu khớp đúng, Phòng Kế toán SGD ghi có tài khoản của ngân hàng bên bán.

+ Bước 9.2b: Nếu trả lời tra soát không khớp hoặc không nhận được trả lời tra soát trước 15h30, SGD thực hiện trả lại lệnh thanh toán cho ngân hàng bên mua.

- Bước 9.3: Sau khi hoàn thành hạch toán ghi có tài khoản của ngân hàng bên bán, hệ thống gửi thông báo kết quả thanh toán tiền giao dịch TPCP cho VSDC theo từng giao dịch.

- Bước 10: Ngay khi nhận được điện thanh toán từ NHNN, hệ thống VSDC tự động thanh toán, chuyển khoản TPCP.

- Bước 11: Đối với công ty chứng khoán bị mất khả năng thanh toán tạm thời, ngân hàng thành viên thanh toán có thể áp dụng cơ chế cho vay; đối với ngân hàng bị mất khả năng thanh toán tạm thời, SGD NHNN có thể áp dụng cơ chế cho vay nếu có đủ tài sản đảm bảo.

Cuối ngày T+1 (từ 15h30 đến 16h30):

- Bước 12: SGD NHNN và VSDC thực hiện đối chiếu kết quả thanh toán tiền giao dịch TPCP trong ngày. VSDC thực hiện lùi thời hạn thanh toán đối với các giao dịch thiếu tiền thanh toán giao dịch TPCP theo đề nghị của bên mua đã được bên bán chấp thuận. Thời gian thanh toán các giao dịch bị lùi từ 09h00 - 15h30 ngày làm việc liền kề thứ nhất hoặc thứ hai sau ngày thanh toán (T+2 hoặc T+3) ngay sau khi bên mua đủ tiền thanh toán giao dịch TPCP.

2. Về thanh toán và chuyển giao TPCP

- Theo Thông tư 30/2019/TT-BTC ngày 15/7/2019 hướng dẫn chi tiết hoạt động đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ (gồm TPCP, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc), TPCPBL do các NHCS phát hành và TPCQĐP, chức năng thanh toán tiền TPCP được thực hiện tại SGD NHNN. Theo đó VSDC thực hiện thanh toán TPCP theo phương thức thanh toán theo từng giao dịch ngay khi bên bán có đủ TPCP và bên mua có đủ tiền để thanh toán tại ngày thanh toán theo quy định hiện hành. Việc thanh toán giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao TPCP đồng thời với thanh toán tiền (delivery versus payment), không bù trừ.

PHỤ LỤC 6

QUY TRÌNH GIAO DỊCH TPCP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



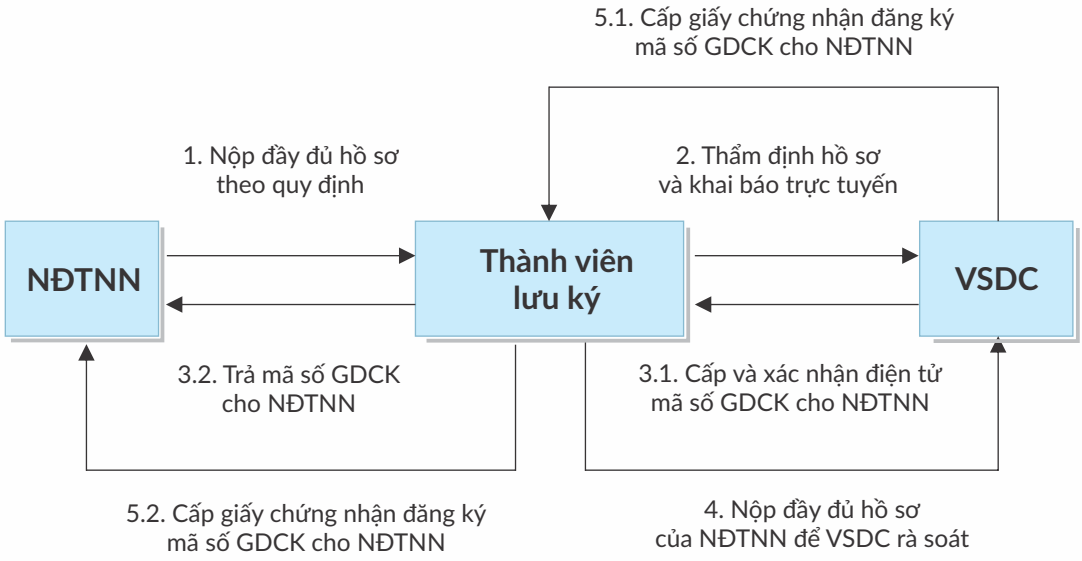
1. Thủ tục đăng ký đầu tư vào thị trường TPCP

Việc đầu tư vào TPCP đối với NĐTNN thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh ngoại hối hợp nhất năm 2013, Luật Chứng khoán, Thông tư số 51/2021/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Thông tư số 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam. Trong đó thủ tục đăng ký đầu tư vào TPCP Việt Nam của NĐTNN gồm 2 thủ tục chính:

a. Thủ tục 1: Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại VSDC

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 51/2021/TT-BTC, NĐTNN thực hiện đầu tư giao dịch TPCP trên thị trường Việt Nam phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán với VSDC thông qua thành viên lưu ký.

- Trình tự đăng ký gồm:



Ghi chú:
NĐTNN: Nhà đầu tư nước ngoài

- Hồ sơ đăng ký mã số GDCK gồm:

(i) Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo Mẫu số 41 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

(ii) Văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện việc đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là thành viên lưu ký;

(iii) Danh mục tài liệu nhận diện nhà đầu tư theo Mẫu số 42 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b. Thủ tục 2: Mở tài khoản đầu tư gián tiếp của NĐTNN

Theo Pháp lệnh ngoại hối năm 2013 và Thông tư số 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam quy định:

- Khi thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam, NĐTNN phải mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một (01) ngân hàng lưu ký được phép để thực hiện các giao dịch thu chi được phép. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp được thực hiện theo quy định của ngân hàng được phép.

- Vốn đầu tư gián tiếp bằng ngoại tệ phải được chuyển sang đồng Việt Nam để thực hiện đầu tư thông qua tài khoản này.

- Trường hợp NĐTNN đang mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép nhưng có nhu cầu mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép khác, NĐTNN phải đóng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp đã mở, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới.

- Trách nhiệm của ngân hàng lưu ký: Khi thực hiện các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cho NĐTNN, ngân hàng lưu ký được phép có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn NĐTNN thực hiện các thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp;

+ Quy định, kiểm tra và lưu giữ các tài liệu, chứng từ liên quan đến các giao dịch thu, chi được thực hiện trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp do NĐTNN xuất trình để đảm bảo việc cung ứng dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

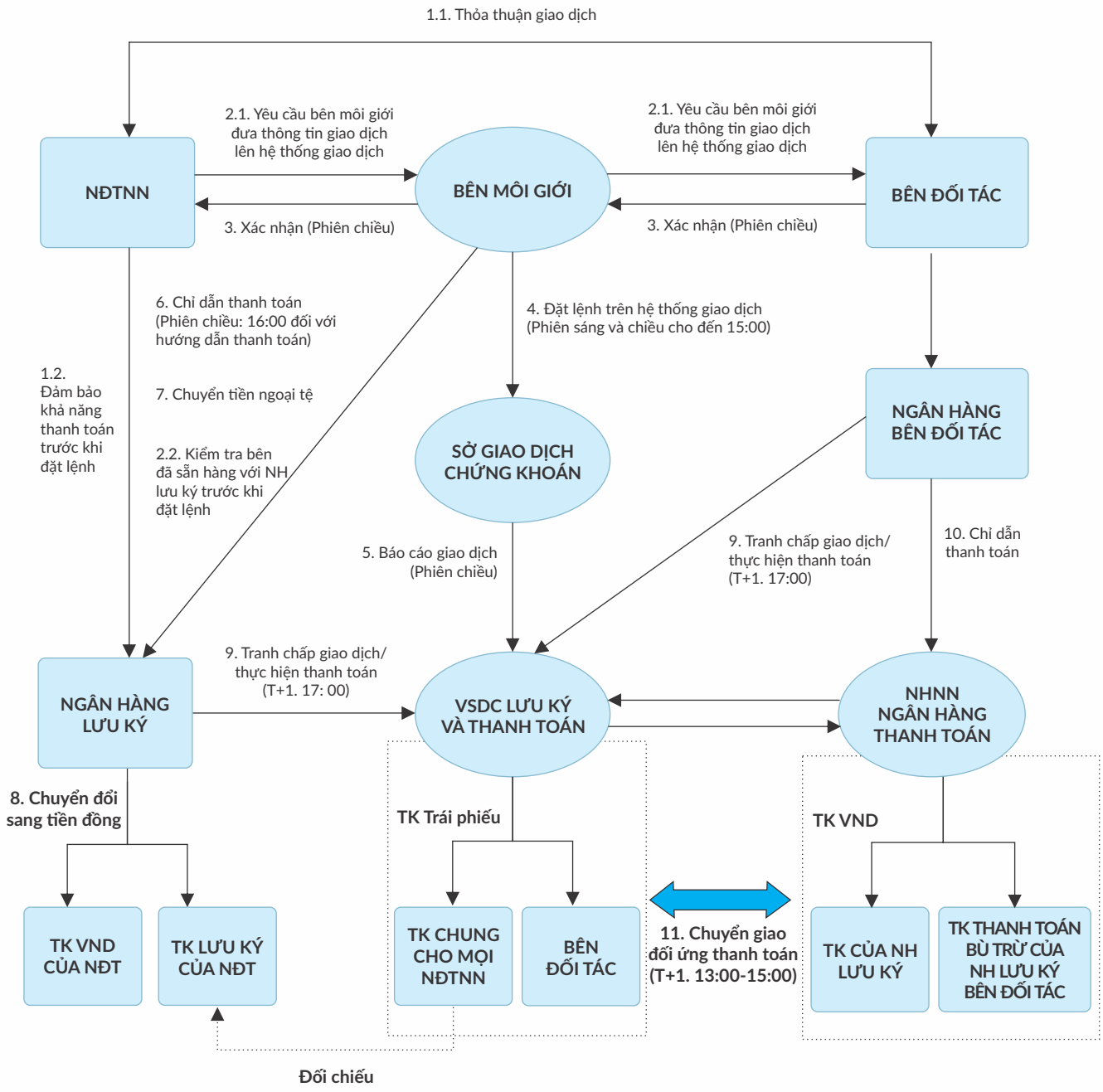
+ Bán ngoại tệ cho NĐTNN trên cơ sở tự cân đối nguồn ngoại tệ của TCTD.

- Trách nhiệm của NĐTNN: Khi thực hiện các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, NĐTNN có trách nhiệm:

+ Kê khai nội dung giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo yêu cầu và hướng dẫn của ngân hàng lưu ký được phép;

+ Xuất trình, bổ sung các hồ sơ, tài liệu, chứng từ theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký được phép.

2. Quy trình giao dịch và thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào TPCP và tín phiếu KBNN



3. Về chuyển tiền ra nước ngoài

Trường hợp có nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, NĐTNN được sử dụng đồng Việt Nam trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để mua ngoại tệ tại TCTD được phép và chuyển ra nước ngoài.

4. Các quy định về thuế

Các NĐTNN không cần phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Hai loại thuế sẽ áp dụng cho NĐTNN: 5% thuế thu nhập từ lãi và 0,1% thuế từ tổng giá trị trái phiếu bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

GGGI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

2024

